

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK NÔNG**

Số: /2021/QĐ-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Đắk Nông, ngày tháng năm 2021

DỰ THẢO

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy chế phối hợp giữa Sở Tài nguyên và Môi trường với các cấp các ngành trong quá trình tổ chức thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước về tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh Đắk Nông

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK NÔNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Khoáng sản ngày 17 tháng 11 năm 2010;

Căn cứ Luật Tài nguyên nước ngày 21 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 23 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 06 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 24/2014/NĐ-CP ngày 04 tháng 4 năm 2014 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 50/2014/TTLT-BTNMT-BNV ngày 28/8/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ Nội vụ hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Tài nguyên và Môi trường thuộc UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Phòng Tài nguyên và Môi trường thuộc UBND huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này “Quy chế phối hợp giữa Sở Tài nguyên và Môi trường với các cấp, các ngành trong quá trình tổ chức thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước về tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh Đắk Nông”.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày tháng năm 2021.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Nội vụ; Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường; Thủ trưởng các cơ quan, ban, ngành; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố; Chủ tịch UBND cấp xã có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

QUY CHẾ

Phối hợp giữa Sở Tài nguyên và Môi trường với các cấp các ngành trong quá trình tổ chức thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước về tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh Đắk Nông

(Ban hành kèm theo Quyết định số /2021/QĐ-UBND ngày tháng năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Nông)

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh:

Quy chế này quy định về nguyên tắc, phương thức, các nội dung và trách nhiệm phối hợp giữa Sở Tài nguyên và Môi trường với Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố (sau đây gọi tắt là Ủy ban nhân dân cấp huyện), Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn (sau đây gọi tắt là Ủy ban nhân dân cấp xã), các sở, ban, ngành có liên quan trong công tác quản lý nhà nước về tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh Đắk Nông. Những nội dung khác có liên quan không quy định tại Quy chế này được thực hiện theo quy định của pháp luật.

2. Đối tượng áp dụng:

Các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã và các cơ quan, đơn vị liên quan trên địa bàn tỉnh Đắk Nông.

Điều 2. Nguyên tắc phối hợp

1. Công tác phối hợp phải đồng bộ, thống nhất, đúng chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các sở, ban, ngành có liên quan và Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã theo quy định của pháp luật, nhằm nâng cao hiệu quả công tác quản lý nhà nước về tài nguyên và môi trường.

2. Trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của mình theo quy định của pháp luật, Sở Tài nguyên và Môi trường, Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã, các sở, ban, ngành liên quan có trách nhiệm chủ động giải quyết, xử lý theo thẩm quyền.

3. Khi có nội dung cần phối hợp, cơ quan chủ trì chủ động tổ chức sự phối hợp cho phù hợp và đảm bảo hiệu quả; các đơn vị được đề nghị phối hợp có trách nhiệm tham gia trong quá trình giải quyết các nội dung theo chức năng nhiệm vụ của mình.

4. Mọi hoạt động của các tổ chức và cá nhân liên quan đến tài nguyên, môi trường phải thực hiện theo đúng quy định của pháp luật; các hành vi vi phạm phải được phát hiện và xử lý kịp thời theo quy định của pháp luật.

Điều 3. Phương thức phối hợp

1. Khi có những vấn đề đặt ra cần phối hợp, cơ quan đề nghị phối hợp chủ động gửi văn bản cho cơ quan được đề nghị kèm theo các tài liệu cần thiết (nếu có), theo tính chất công việc, thời gian trả lời văn bản của cơ quan phối hợp sẽ được ghi đối với từng công việc cụ thể, cơ quan được đề nghị khi nhận được văn bản có trách nhiệm phối hợp, trả lời bằng văn bản cho cơ quan đề nghị.

2. Trong quá trình phối hợp, các cơ quan chủ động trao đổi, cung cấp thông tin bằng văn bản về những vấn đề có liên quan đến lĩnh vực phối hợp hoặc liên quan đến việc thực hiện nhiệm vụ do Ủy ban nhân dân tỉnh giao.

3. Tăng cường công tác thông tin hai chiều, trao đổi trực tiếp; đối với những vấn đề quan trọng cần phải họp để trao đổi, thống nhất, thì cơ quan nêu vấn đề chủ trì tổ chức họp đại diện lãnh đạo các cơ quan có liên quan trước khi quyết định theo thẩm quyền của mỗi cơ quan hoặc trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét quyết định hoặc chỉ đạo.

Chương II

PHỐI HỢP TRONG LĨNH VỰC TÀI NGUYÊN KHOÁNG SẢN

Điều 4. Xây dựng ban hành văn bản quy phạm pháp luật về khoáng sản

1. Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, xây dựng và tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh soạn thảo ban hành văn bản quy phạm pháp luật về quản lý khoáng sản trên địa bàn tỉnh.

2. Ủy ban nhân dân cấp huyện ban hành văn bản quy phạm pháp luật phục vụ cho công tác quản lý nhà nước về lĩnh vực khoáng sản trên địa bàn huyện theo thẩm quyền.

3. Quá trình xây dựng cần xin ý kiến góp ý đối với dự thảo từ các cơ quan phối hợp. Quá trình thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật về khoáng sản nếu có phát sinh vấn đề khó khăn, bất cập cần phản ánh kịp thời bằng văn bản về cơ quan chủ trì xây dựng để đề xuất điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp.

Điều 5. Lập, điều chỉnh và thực hiện quy hoạch khoáng sản

1. Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với các sở, ngành liên quan tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh phê duyệt quy hoạch thăm dò, khai thác và sử dụng khoáng sản của tỉnh.

2. Ủy ban nhân dân cấp huyện chỉ đạo Ủy ban nhân dân cấp xã thường xuyên rà soát địa bàn kịp thời, thông tin về các khu vực có phát hiện mới về khoáng sản để bổ sung, điều chỉnh quy hoạch; đề xuất bổ sung hoặc loại bỏ các vị trí khai thác đá, cát, sỏi vào quy hoạch khoáng sản làm vật liệu xây dựng.

Điều 6. Bảo vệ khoáng sản chưa khai thác, xử lý hoạt động khai thác khoáng sản trái phép

1. Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm:

a) Chịu trách nhiệm chính trong công tác bảo vệ khoáng sản chưa khai thác thuộc địa phương quản lý; tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về khoáng sản

đến thôn, buôn, bon, tổ dân phố; vận động nhân dân địa phương không khai thác, thu mua, tàng trữ, vận chuyển khoáng sản trái phép, phát hiện và tố giác tổ chức, cá nhân khai thác khoáng sản trái phép; thực hiện phương án bảo vệ khoáng sản chưa khai thác trên địa bàn;

b) Tổ chức lực lượng, chủ động trong công tác kiểm tra, phát hiện và ngăn chặn kịp thời các hoạt động khai thác khoáng sản trái phép; khi phát hiện hoạt động khai thác khoáng sản trái phép thì tạm giữ phương tiện, tang vật và kịp thời báo cáo Ủy ban nhân dân cấp huyện xử lý các trường hợp khai thác khoáng sản trái phép vượt thẩm quyền xử lý của địa phương; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện nếu để xảy ra tình trạng khai thác khoáng sản trái phép kéo dài mà không xử lý, ngăn chặn hoặc để tình trạng mua, bán, tặng cho, vận chuyển khoáng sản không có nguồn gốc hợp pháp mà không phát hiện, xử lý theo thẩm quyền và báo cáo kịp thời cho Ủy ban nhân dân cấp huyện, đến khi các cơ quan chức năng kiểm tra mới phát hiện;

c) Quản lý chặt chẽ việc đăng ký tạm trú tại địa phương; nghiêm cấm mở đường, tạo dựng bến bãi, lán, trại để khai thác khoáng sản trái phép;

d) Căn cứ đặc điểm tình hình khoáng sản chưa khai thác của địa phương, hàng năm lập dự toán kinh phí bảo vệ khoáng sản chưa khai thác, trình Ủy ban nhân dân cấp trên trực tiếp phê duyệt, bố trí kinh phí để thực hiện;

đ) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm cử lực lượng tham gia cùng các sở, ngành có liên quan kiểm tra hoạt động khai thác khoáng sản trái phép; chịu trách nhiệm giữ phương tiện, tang vật vi phạm trong hoạt động khai thác khoáng sản khi được bàn giao;

e) Định kỳ 6 tháng báo cáo tình hình bảo vệ khoáng sản chưa khai thác tại địa phương cho Ủy ban nhân dân cấp huyện.

2. Ủy ban nhân dân cấp huyện có nhiệm vụ:

a) Chủ trì và chịu hoàn toàn trách nhiệm trong việc xây dựng kế hoạch, phương án bảo vệ khoáng sản chưa khai thác trên địa bàn huyện gửi Sở Tài nguyên và Môi trường tổng hợp; chủ động tổ chức kiểm tra, xử lý các trường hợp khai thác khoáng sản trái phép; kiểm tra, xử lý các bến bãi kinh doanh khoáng sản trái phép trên địa bàn quản lý; tạm giữ, tịch thu phương tiện, tang vật vi phạm khai thác khoáng sản trái phép theo quy định của pháp luật hiện hành. Trường hợp vi phạm nghiêm trọng hoặc có dấu hiệu vi phạm hình sự do khai thác khoáng sản trái phép gây ra, chuyển cơ quan điều tra xử lý theo quy định pháp luật. Trường hợp, vụ việc vượt quá thẩm quyền xử lý, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo, xử lý;

b) Chỉ đạo, kiểm tra và giám sát Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện các biện pháp bảo vệ khoáng sản chưa khai thác; huy động và chỉ đạo các lực lượng trên địa bàn phối hợp để giải tỏa, ngăn chặn hoạt động khoáng sản trái phép;

c) Chỉ đạo Công an cấp huyện, Phòng Tài nguyên và Môi trường, các phòng, ban có liên quan của huyện phối hợp các cơ quan có thẩm quyền thanh tra, kiểm tra xử lý và ngăn chặn khai thác khoáng sản trái phép trên địa bàn quản lý;

d) Căn cứ đặc điểm tình hình khoáng sản chưa khai thác của địa phương, hàng năm lập dự toán kinh phí bảo vệ khoáng sản chưa khai thác, gửi Sở Tài nguyên và Môi trường xem xét, tổng hợp gửi Sở Tài chính thẩm định, trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt, phân bổ kinh phí để thực hiện;

đ) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh khi để xảy ra tình trạng khai thác khoáng sản trái phép trên địa bàn mà không xử lý hoặc để diễn ra kéo dài;

e) Chỉ đạo Ủy ban nhân dân cấp xã và các cơ quan, đơn vị trên địa bàn thực hiện việc đăng ký nhu cầu tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về khoáng sản. Xây dựng chương trình, kế hoạch và đề nghị Sở Tài nguyên và Môi trường phối hợp trong công tác phổ biến các quy định của pháp luật về khoáng sản cho các tổ chức, cá nhân tại địa phương;

g) Trước ngày 15 tháng 12 hàng năm gửi Sở Tài nguyên và Môi trường, Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo về tình hình bảo vệ khoáng sản chưa khai thác tại địa phương.

3. Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm:

a) Tổ chức thanh tra, kiểm tra trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã trong việc bảo vệ khoáng sản chưa khai thác;

b) Thanh tra, kiểm tra đột xuất khi có dấu hiệu vi phạm hoặc theo đơn thư phản ánh của các tổ chức, cá nhân trong trường hợp cần thiết;

c) Tổng hợp báo cáo kết quả quản lý khoáng sản chưa khai thác và đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh các giải pháp bảo vệ khoáng sản chưa khai thác;

d) Tổng hợp, lập, trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt phương án bảo vệ khoáng sản chưa khai thác trên địa bàn theo định mức chi ngân sách do Bộ Tài chính hướng dẫn; xây dựng báo cáo tổng kết, đánh giá công tác bảo vệ khoáng sản chưa khai thác trên địa bàn và đưa vào báo cáo tình hình quản lý nhà nước về khoáng sản hàng năm.

đ) Tổ chức tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật trong việc bảo vệ khoáng sản chưa khai thác; hướng dẫn, tập huấn chuyên môn nghiệp vụ và tổ chức thực hiện công tác bảo vệ khoáng sản trên cơ sở quy định tại điểm c khoản 2 Điều này.

Điều 7. Giải quyết các thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động khoáng sản của các tổ chức, cá nhân

1. Thủ tục hành chính liên quan đến việc hoạt động khoáng sản bao gồm:

a) Cấp, gia hạn, thu hồi giấy phép thăm dò khoáng sản, giấy phép khai thác khoáng sản, giấy phép khai thác tận thu khoáng sản; chấp thuận trả lại giấy phép thăm dò khoáng sản, giấy phép khai thác khoáng sản, giấy phép khai thác tận thu khoáng sản, trả lại một phần diện tích khu vực thăm dò, khai thác khoáng sản; tổ chức đấu giá quyền khai thác khoáng sản thuộc thẩm quyền; phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường và dự án cải tạo phục hồi môi trường; giải quyết theo thẩm quyền việc cho thuê đất hoạt động khoáng sản;

b) Các nội dung phối hợp xử lý các thủ tục hành chính khác có liên quan đến việc hoạt động khoáng sản thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân tỉnh (cấp Quyết định chủ trương đầu tư; Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư; cấp giấy phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp) và của các Bộ, ngành Trung ương.

2. Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm chủ trì, phối hợp các cơ quan liên quan giải quyết các thủ tục hành chính quy định tại khoản 1 Điều 8 Quy chế này.

3. Ủy ban nhân dân cấp huyện chịu trách nhiệm giải quyết, cho ý kiến theo thẩm quyền việc lập kế hoạch, quy hoạch sử dụng đất, xác nhận kế hoạch (*đề án*) bảo vệ môi trường theo thẩm quyền và các vấn đề khác có liên quan cho tổ chức, cá nhân được phép hoạt động khoáng sản tại địa phương theo quy định của pháp luật, đánh giá việc chấp hành pháp luật của tổ chức, cá nhân.

4. Việc kiểm tra hiện trạng và các vấn đề khác liên quan đến khu vực đề nghị cấp giấy phép khoáng sản do Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì thực hiện, các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện và Ủy ban nhân dân cấp xã là cơ quan phối hợp. Không tổ chức kiểm tra riêng lẻ từng cơ quan.

Điều 8. Quản lý hoạt động khoáng sản sau khi tổ chức, cá nhân được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép khai thác khoáng sản

1. Sở Tài nguyên và Môi trường là cơ quan đầu mối trong việc phối hợp về quản lý hoạt động khoáng sản; chủ trì hoặc phối hợp thực hiện công tác thanh tra, kiểm tra, kiểm soát hoạt động khoáng sản của tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động khoáng sản trên địa bàn tỉnh. Hàng năm (trước ngày 15 tháng 02), cung cấp thông tin về sản lượng khoáng sản khai thác do các tổ chức, cá nhân gửi cho Cục thuế để kiểm tra, đối chiếu với số liệu kê khai nộp thuế của các tổ chức, cá nhân khai thác khoáng sản.

2. Ủy ban nhân dân cấp huyện và Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm thực hiện công tác quản lý nhà nước về hoạt động khai thác khoáng sản trên địa bàn theo quy định hiện hành. Thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm pháp luật về khoáng sản theo thẩm quyền; đôn đốc việc ký quỹ phục hồi môi trường; kiểm tra việc chấp hành cam kết bảo vệ môi trường đối với các dự án do Ủy ban nhân dân cấp huyện phê duyệt hoặc cho ý kiến. Chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân tỉnh và trước pháp luật trong việc đề các tổ chức, cá nhân khai thác khoáng sản khi chưa thực hiện đầy đủ nghĩa vụ pháp lý sau cấp phép và chưa được Sở Tài nguyên và Môi trường giao đất, giao mỏ.

Chương III

PHỐI HỢP TRONG LĨNH VỰC TÀI NGUYÊN NƯỚC

Điều 9. Trách nhiệm của Sở Tài nguyên và Môi trường

1. Chủ trì, phối hợp với các sở, ban ngành và các địa phương liên quan tham mưu, xây dựng trình Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành các quyết định, chỉ thị về quản lý, bảo vệ tài nguyên nước trên địa bàn; lập quy hoạch tài nguyên nước, kế hoạch điều tra cơ bản quản lý, khai thác, sử dụng, bảo vệ tài nguyên nước (bao gồm quy hoạch lưu vực sông, suối nội tỉnh), phòng, chống ô nhiễm, suy thoái và cạn kiệt nguồn nước.

2. Chủ trì, phối hợp với các sở, ban ngành và các địa phương liên quan thực hiện việc xác định ngưỡng giới hạn khai thác nước đối với các sông, suối, các tầng chứa nước, các khu vực dự trữ nước, các khu vực hạn chế khai thác nước, khu vực cấm

3. Chủ trì, phối hợp với các sở, ban ngành và các địa phương liên quan tổ chức thẩm định hồ sơ cấp, gia hạn, điều chỉnh, thu hồi giấy phép tài nguyên nước, xả nước thải vào nguồn nước và giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất thuộc thẩm quyền quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh (trừ trường hợp xả nước thải vào công trình thủy lợi theo quy định của Luật Thủy lợi và Nghị định số 67/2018/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thủy lợi); thu phí, lệ phí về tài nguyên nước theo quy định pháp luật.

4. Chủ trì, phối hợp với các sở, ban ngành và các địa phương liên quan tổ chức thực hiện điều tra cơ bản, kiểm kê, thống kê, lưu trữ số liệu tài nguyên nước trên địa bàn; quản lý, giám sát các công trình quan trắc tài nguyên nước do địa phương và các tổ chức đầu tư xây dựng và tiếp nhận các đề tài, dự án nghiên cứu về tài nguyên nước trên địa bàn tỉnh do các cơ quan, đơn vị khác thực hiện.

5. Chủ trì, phối hợp với các sở, ban ngành và các địa phương liên quan tổng hợp, báo cáo tình hình khai thác, sử dụng tài nguyên nước, các nguồn xả thải vào nguồn nước trên địa bàn tỉnh; lập danh mục các nguồn nước bị ô nhiễm, suy thoái, cạn kiệt và đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh các biện pháp xử lý.

6. Chủ trì, phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã và các đơn vị liên quan tổ chức điều tra, thống kê, rà soát, phân loại các loại giếng phải xử lý, trám lấp theo quy định trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt để tổ chức thực hiện.

7. Phối hợp với các cơ quan, đơn vị của Trung ương và các sở, ban ngành, địa phương liên quan quản lý về tài nguyên nước, bảo vệ nguồn nước lưu vực sông trên địa bàn.

8. Chủ trì, phối hợp với các sở, ban ngành và các địa phương liên quan tổ chức thực hiện thanh tra, kiểm tra chuyên ngành về hoạt động tài nguyên nước trên địa bàn tỉnh; ngăn chặn, xử lý vi phạm hành chính, tham mưu định chỉ theo thẩm quyền việc thăm dò, khai thác, sử dụng tài nguyên nước, xả nước thải vào nguồn nước và hành nghề khoan nước dưới đất không đúng quy định của pháp luật.

Điều 10. Trách nhiệm của các sở, ban ngành và các cơ quan, đơn vị

1. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn:

a) Chủ trì, phối hợp với các sở, ban ngành và các địa phương liên quan xây dựng quy hoạch thủy lợi, cấp nước sinh hoạt nông thôn; quản lý, bảo vệ nguồn nước phục vụ cho sản xuất nông, lâm nghiệp, thủy sản, cấp nước sinh hoạt nông thôn trên địa bàn tỉnh; khai thác sử dụng nước tiết kiệm, an toàn, có hiệu quả, tổng hợp, đa mục tiêu, hợp lý;

b) Chủ trì, phối hợp với các sở, ban ngành và các địa phương liên quan tổ chức thực hiện thẩm định quy trình vận hành hồ chứa nước thủy lợi, xây dựng quy trình vận hành liên hồ chứa thủy lợi, phương án phòng chống lũ, lụt vùng hạ du đập thủy điện

thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt; xử lý, tiêu hủy, chôn lấp gia súc, gia cầm nhiễm bệnh, sản phẩm động vật mắc bệnh; hướng dẫn nông dân sử dụng hợp lý thuốc thú y, thuốc bảo vệ thực vật, hóa chất sử dụng trong sản xuất nông nghiệp, xử lý phân, nước thải của ngành chăn nuôi, tránh ô nhiễm nguồn nước theo quy định của pháp luật;

c) Chủ trì, phối hợp với các sở, ban ngành và các địa phương liên quan tổ chức thanh tra, kiểm tra chuyên ngành, xử lý vi phạm hành chính thuộc phạm vi quản lý và báo cáo cơ quan cấp có thẩm quyền để tổ chức chỉ đạo xử lý theo quy định;

d) Phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường trong công tác quản lý, bảo vệ, khai thác, sử dụng tài nguyên nước theo quy định của Luật Tài nguyên nước năm 2012 và các quy định liên quan khác của pháp luật.

2. Sở Xây dựng:

a) Chủ trì, phối hợp với các sở, ban ngành có liên quan hướng dẫn lập và thẩm định quy hoạch, kế hoạch cấp nước, thoát nước cho đô thị và khu công nghiệp;

b) Chủ trì, phối hợp với các sở, ban ngành và các địa phương liên quan tổ chức thanh tra, kiểm tra chuyên ngành, xử lý vi phạm hành chính thuộc phạm vi quản lý và báo cáo cơ quan cấp có thẩm quyền để tổ chức chỉ đạo xử lý theo quy định;

c) Phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường trong công tác quản lý, bảo vệ, khai thác, sử dụng tài nguyên nước theo quy định của Luật Tài nguyên nước năm 2012 và các quy định liên quan khác của pháp luật.

3. Sở Công Thương:

a) Phối hợp Sở Tài nguyên và Môi trường và các sở, ban ngành liên quan tổ chức thực hiện quy hoạch, kế hoạch khai thác, sử dụng tài nguyên nước phục vụ thủy điện, thương mại, sản xuất công nghiệp; cung cấp số liệu thuộc phạm vi quản lý phục vụ công tác lập quy hoạch tài nguyên nước của tỉnh, quy hoạch chuyên ngành; chủ trì tổ chức thẩm định quy trình vận hành hồ chứa thủy điện và phương án đảm bảo an toàn công trình thủy điện thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân tỉnh;

b) Chủ trì, phối hợp với các sở, ban ngành và các địa phương liên quan tổ chức thanh tra, kiểm tra chuyên ngành, xử lý vi phạm hành chính thuộc phạm vi quản lý và báo cáo cơ quan cấp có thẩm quyền để tổ chức chỉ đạo xử lý theo quy định;

c) Phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường trong công tác quản lý, bảo vệ, khai thác, sử dụng tài nguyên nước theo quy định của Luật Tài nguyên nước năm 2012 và các quy định liên quan khác của pháp luật.

4. Sở Y tế:

a) Chủ trì, phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường và các sở, ban ngành có liên quan kiểm tra định kỳ chất lượng nước khai thác của các tổ chức, cá nhân phục vụ cho mục đích ăn uống, sinh hoạt, nước lọc đóng chai và các mục đích sử dụng khác; xác nhận bản công bố tiêu chuẩn đối với sản phẩm nước uống đóng chai;

b) Tham gia thẩm định các đề án khai thác nước dưới đất phục vụ sản xuất nước uống tinh khiết, các đề án xả nước thải của các bệnh viện, trung tâm y tế và các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh khác trên địa bàn tỉnh;

c) Chủ trì, phối hợp với các sở, ban ngành và các địa phương liên quan tổ chức thanh tra, kiểm tra chuyên ngành, xử lý vi phạm hành chính thuộc phạm vi quản lý và báo cáo cơ quan cấp có thẩm quyền để tổ chức chỉ đạo xử lý theo quy định;

d) Phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường trong công tác quản lý, bảo vệ, khai thác, sử dụng tài nguyên nước theo quy định của Luật Tài nguyên nước năm 2012 và các quy định liên quan khác của pháp luật.

5. Sở Giao thông vận tải:

a) Chủ trì, phối hợp cùng với các sở, ban ngành và các địa phương có liên quan xây dựng và tổ chức thực hiện quy hoạch hệ thống đường thủy nội địa, các công trình giao thông đường thủy theo quy định hiện hành;

b) Phối hợp với các cơ quan chức năng hướng dẫn các quy định về bảo vệ môi trường đối với bến và phương tiện giao thông đường thủy, đảm bảo không gây ô nhiễm các nguồn nước;

c) Chủ trì, phối hợp với các sở, ban ngành và các địa phương liên quan tổ chức thanh tra, kiểm tra chuyên ngành, xử lý vi phạm hành chính thuộc phạm vi quản lý và báo cáo cơ quan cấp có thẩm quyền để tổ chức chỉ đạo xử lý theo quy định;

d) Phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường trong công tác quản lý, bảo vệ, khai thác, sử dụng tài nguyên nước theo quy định của Luật Tài nguyên nước năm 2012 và các quy định liên quan khác của pháp luật.

6. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch:

a) Chủ trì, phối hợp với các sở, ban ngành lập quy hoạch khai thác, sử dụng tài nguyên nước và xả nước thải vào nguồn nước cho các khu du lịch, các công trình phục vụ mục đích văn hóa và thể thao và du lịch; chỉ đạo các tổ chức, cá nhân có liên quan tuân thủ các quy định về bảo vệ lưu vực sông, bảo vệ lòng hồ trong quá trình tổ chức các hoạt động văn hóa, thể thao, du lịch; phải có các biện pháp đảm bảo không gây ảnh hưởng đến môi trường nước;

b) Chủ trì, phối hợp với các sở, ban ngành và các địa phương liên quan tổ chức thanh tra, kiểm tra chuyên ngành, xử lý vi phạm hành chính thuộc phạm vi quản lý và báo cáo cơ quan cấp có thẩm quyền để tổ chức chỉ đạo xử lý theo quy định;

c) Phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường trong công tác quản lý, bảo vệ, khai thác, sử dụng tài nguyên nước theo quy định của Luật Tài nguyên nước năm 2012 và các quy định liên quan khác của pháp luật.

7. Sở Khoa học và Công nghệ:

a) Chủ trì, phối hợp với các sở, ban ngành có liên quan, các tổ chức khoa học và công nghệ tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt các đề tài, dự án nghiên cứu, ứng dụng thành tựu khoa học công nghệ trong lĩnh vực hoạt động về tài nguyên nước

trên địa bàn tỉnh; chuyển giao ứng dụng các kết quả nghiên cứu của đề tài, dự án liên quan đến lĩnh vực tài nguyên nước vào sản xuất và phục vụ đời sống;

b) Chủ trì, phối hợp với các sở, ban ngành và các địa phương liên quan tổ chức thanh tra, kiểm tra chuyên ngành và xử lý vi phạm hành chính thuộc phạm vi quản lý và báo cáo cơ quan cấp có thẩm quyền để tổ chức chỉ đạo xử lý theo quy định;

c) Phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường trong công tác quản lý, bảo vệ, khai thác, sử dụng tài nguyên nước theo quy định của Luật Tài nguyên nước năm 2012 và các quy định liên quan khác của pháp luật.

8. Sở Kế hoạch và Đầu tư:

Chủ trì, phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường và các sở, ban ngành có liên quan, tổng hợp kinh phí đầu tư từ nguồn vốn ngân sách nhà nước của các dự án quản lý, bảo vệ, khai thác, sử dụng tài nguyên nước, phòng, chống và khắc phục hậu quả tác hại do nước gây ra, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh theo đúng Luật Đầu tư công và các quy định hiện hành.

9. Cục thuế tỉnh:

Chủ trì, phối hợp với các sở, ban ngành và các địa phương liên quan tổ chức thực hiện: tổ chức thu thuế tài nguyên, phí bảo vệ tài nguyên, phí bảo vệ môi trường, tiền cấp quyền khai thác (bao gồm tài nguyên nước và khoáng sản) và các khoản thuế liên quan; thanh tra, kiểm tra liên ngành, xử lý vi phạm hành chính thuộc phạm vi quản lý và báo cáo cấp có thẩm quyền để tổ chức, chỉ đạo theo quy định.

10. Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh Đắk Nông:

Chủ trì, phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường và các sở, ban ngành và các địa phương liên quan tổ chức tuyên truyền các hoạt động liên quan đến tài nguyên nước để các tổ chức, cá nhân trên địa bàn tỉnh biết, thực hiện đúng theo quy định.

11. Các sở, ban ngành, tổ chức, cá nhân khác:

Trong phạm vi chức năng, quyền hạn của mình có trách nhiệm phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường trong công tác quản lý, bảo vệ, khai thác, sử dụng tài nguyên nước theo quy định của Luật Tài nguyên nước năm 2012 và các quy định liên quan khác của pháp luật.

Điều 11. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp huyện

1. Chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân tỉnh trong việc quản lý nhà nước về tài nguyên nước tại địa phương theo quy định của pháp luật.

2. Chủ trì, phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường và các sở, ban ngành có liên quan thực hiện các biện pháp bảo vệ tài nguyên nước theo quy định của pháp luật; phối hợp với cơ quan, tổ chức quản lý trạm quan trắc, đo đạc, giám sát tài nguyên nước, công trình thăm dò, khai thác nước, xả nước thải vào nguồn nước để bảo vệ các công trình này.

3. Chủ trì, phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường và các sở, ban ngành có liên quan tổ chức ứng phó, khắc phục sự cố ô nhiễm nguồn nước; theo dõi, phát hiện và tham gia giải quyết sự cố ô nhiễm nguồn nước tại địa phương.

4. Chủ trì, chỉ đạo, điều hành các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện và Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện công tác quản lý nhà nước về tài nguyên nước tại địa phương.

5. Chủ trì, phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường và các sở, ban ngành có liên quan tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về tài nguyên nước trên địa bàn; kiểm tra, xử lý vi phạm hành chính, hòa giải, giải quyết tranh chấp về tài nguyên nước trên địa bàn theo thẩm quyền được pháp luật quy định.

6. Chủ trì tổ chức triển khai thực hiện việc đăng ký và kiểm tra hoạt động tài nguyên nước thuộc diện phải đăng ký theo quy định tại Điều 6 của Thông tư số 27/2014/TT-BTNMT ngày 30 tháng 5 năm 2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định việc đăng ký khai thác nước dưới đất, mẫu hồ sơ cấp, gia hạn, điều chỉnh, cấp lại giấy phép tài nguyên nước.

7. Phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường xây dựng danh mục các nguồn nước phải lập hành lang bảo vệ nguồn nước sông, suối,...trên địa bàn; chủ trì xây dựng kế hoạch cắm mốc hành lang bảo vệ nguồn nước gửi Sở Tài nguyên và Môi trường để tổng hợp; phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường xây dựng phương án, kinh phí cắm mốc hành lang bảo vệ nguồn nước chi tiết và tổ chức thực hiện việc cắm mốc giới trên thực địa sau khi phương án, kinh phí đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt và nhận bàn giao, quản lý, bảo vệ mốc giới.

8. Phối hợp với các tổ chức, cá nhân vận hành các hồ chứa thực hiện việc cắm mốc giới hành lang bảo vệ nguồn nước đối với hồ chứa, mốc giới phạm vi bảo vệ đập trên thực địa sau khi phương án cắm mốc giới đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt và nhận bàn giao, quản lý, bảo vệ mốc giới.

9. Chủ trì, chỉ đạo các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện và Ủy ban nhân dân cấp xã quản lý, bảo vệ mốc giới hành lang bảo vệ nguồn nước sông, suối, ... và mốc giới các hồ chứa; chịu trách nhiệm khi để xảy ra hiện tượng lấn, chiếm, sử dụng trái phép phần đất thuộc phạm vi hành lang bảo vệ nguồn nước trên địa bàn.

10. Phối hợp Sở Tài nguyên và Môi trường điều tra, thống kê, rà soát, phân loại và lập danh mục giếng không sử dụng phải trám lấp và phối hợp tổ chức thi công trám lấp giếng không xác định được chủ giếng nằm trong danh mục phải trám lấp thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 13 Thông tư số 72/2017/TT-BTNMT ngày 29 tháng 12 năm 2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về việc xử lý, trám lấp giếng không sử dụng.

11. Định kỳ hằng năm trước ngày 15 tháng 12 tổng hợp, báo cáo về tình hình quản lý, đăng ký hoạt động tài nguyên nước trên địa bàn hoặc đột xuất khi có yêu cầu của cơ quan cấp có thẩm quyền gửi về Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Tài nguyên và Môi trường) để tổng hợp chung.

12. Phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường trong công tác quản lý, bảo vệ, khai thác, sử dụng tài nguyên nước theo quy định của Luật Tài nguyên nước năm 2012 và các quy định liên quan khác của pháp luật.

Điều 12. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp xã

1. Chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân cấp huyện trong việc quản lý tài nguyên nước tại địa phương theo quy định của pháp luật.

2. Chủ trì, phối hợp các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện thực hiện các biện pháp bảo vệ tài nguyên nước theo quy định của pháp luật; phối hợp với cơ quan, tổ chức quản lý trạm quan trắc, đo đạc, giám sát tài nguyên nước, công trình thăm dò, khai thác nước, xả nước thải vào nguồn nước để bảo vệ các công trình này.

3. Chủ trì, phối hợp các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện tổ chức ứng phó, khắc phục sự cố ô nhiễm nguồn nước; theo dõi, phát hiện và tham gia giải quyết sự cố ô nhiễm nguồn nước tại địa phương.

4. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về tài nguyên nước; kiểm tra, xử lý vi phạm hành chính, hòa giải, giải quyết tranh chấp về tài nguyên nước trên địa bàn theo thẩm quyền được pháp luật quy định.

5. Phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường, Ủy ban nhân dân cấp huyện thực hiện việc cấm mốc giới hành lang bảo vệ nguồn nước sông, suối, đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt và nhận bàn giao, quản lý, bảo vệ mốc giới.

6. Phối hợp với các tổ chức, cá nhân vận hành các hồ chứa thực hiện việc cấm mốc giới hành lang bảo vệ nguồn nước đối với hồ chứa, mốc giới phạm vi bảo vệ đập trên thực địa sau khi phương án cấm mốc giới đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt và nhận bàn giao, quản lý, bảo vệ mốc giới.

7. Phối hợp Sở Tài nguyên và Môi trường điều tra, thống kê, rà soát, phân loại và lập danh mục giếng không sử dụng phải trám lấp và phối hợp tổ chức thi công trám lấp giếng không xác định được chủ giếng nằm trong danh mục phải trám lấp thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 13 Thông tư số 72/2017/TT-BTNMT ngày 29 tháng 12 năm 2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về việc xử lý, trám lấp giếng không sử dụng.

8. Chủ trì phối hợp với các chủ giếng xử lý trám lấp giếng khai thác nước dưới đất thuộc trường hợp không phải xin phép khai thác, sử dụng tài nguyên nước trên địa bàn theo quy định tại Điều 5 Thông tư số 72/2017/TT-BTNMT ngày 29 tháng 12 năm 2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về việc xử lý, trám lấp giếng không sử dụng.

9. Định kỳ hằng năm trước ngày 15 tháng 12 tổng hợp, báo cáo về tình hình quản lý, đăng ký hoạt động tài nguyên nước trên địa bàn hoặc đột xuất khi có yêu cầu của cơ quan cấp có thẩm quyền gửi về Ủy ban nhân dân cấp huyện để tổng hợp chung.

Chương IV

PHỐI HỢP TRONG LĨNH VỰC MÔI TRƯỜNG

Điều 13. Xây dựng, ban hành theo thẩm quyền văn bản quy phạm pháp luật, chính sách, chương trình, quy hoạch, kế hoạch về bảo vệ môi trường

1. Sở Tài nguyên và Môi trường: Chủ trì xây dựng, tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh soạn thảo ban hành văn bản quy phạm pháp luật, chính sách, chương trình, quy hoạch, kế hoạch về bảo vệ môi trường.

2. Các sở, ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện: Phối hợp tham gia xây dựng, góp ý dự thảo khi Sở Tài nguyên và Môi trường đề nghị.

Điều 14. Phối hợp trong truyền thông, nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường

1. Xây dựng và thực hiện chương trình phối hợp với Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy.

a) Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy và các Đoàn thể chính trị - xã hội tỉnh xây dựng và tổ chức thực hiện chương trình phối hợp nhằm cụ thể hóa các chương trình phối hợp của các cơ quan Trung ương trong công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật bảo vệ môi trường theo từng giai đoạn cụ thể;

b) Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã trên cơ sở chương trình phối hợp của cơ quan cấp tỉnh phối hợp với Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy và các Đoàn thể chính trị - xã hội cùng cấp triển khai chương trình phối hợp;

c) Hàng năm, tổ chức kiểm tra, đánh giá, rút kinh nghiệm kết quả thực hiện chương trình. Định kỳ 05 (năm) năm một lần tổ chức tổng kết chương trình, đánh giá, rút kinh nghiệm thông qua kết quả thực hiện và xây dựng chương trình phối hợp trong các giai đoạn tiếp theo (nếu có).

2. Hoạt động truyền thông, phổ biến, giáo dục pháp luật, nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường.

a) Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì tuyên truyền, phổ biến các văn bản pháp luật về bảo vệ môi trường, nâng cao năng lực và nhận thức bảo vệ môi trường cho đội ngũ cán bộ quản lý nhà nước các cấp, các ngành, tổ chức hội, các cơ sở sản xuất kinh doanh. Tổ chức tuyên truyền, giới thiệu các văn bản pháp luật về bảo vệ môi trường trên các phương tiện truyền thông như Website, bản tin của ngành;

b) Các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã chủ trì hướng dẫn, tuyên truyền về công tác bảo vệ môi trường, các hoạt động quản lý, thu gom, xử lý chất thải theo lĩnh vực quản lý;

c) Sở Thông tin và Truyền thông chủ động thực hiện và định hướng các cơ quan truyền thông tăng cường tuyên truyền về công tác quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu trên địa bàn tỉnh.

Điều 15. Phối hợp trong công tác quản lý chất thải

1. Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì tham mưu thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường, phương án cải tạo phục hồi môi trường, đề án bảo vệ môi trường; kiểm tra, thẩm định đề xác nhận kế hoạch bảo vệ môi trường, cấp sổ đăng ký chủ nguồn chất thải nguy hại, xác nhận hoàn thành các công trình xử lý môi trường về chất thải theo quy định.

2. Sở Xây dựng

a) Chủ trì phối hợp với các sở, ban, ngành, địa phương và các đơn vị có liên quan tổ rà soát, điều chỉnh, bổ sung quy hoạch về quản lý chất thải rắn trên địa bàn tỉnh để tích hợp vào quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh;

b) Không cấp phép xây dựng đối với các đối tượng chưa thực hiện việc lập báo cáo đánh giá tác động môi trường, kế hoạch bảo vệ môi trường theo quy định.

3. Sở Y tế

Phối hợp Sở Tài nguyên và Môi trường tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch thu gom, vận chuyển xử lý chất thải y tế nguy hại trên địa bàn tỉnh; thực hiện quản lý rác thải y tế trên địa bàn tỉnh theo quy định tại Thông tư liên tịch số [58/2015/TTLT-BYT-BTNMT](#) ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Bộ Y tế và Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về quản lý chất thải y tế.

4. Sở Khoa học và Công nghệ

a) Chủ trì, phối hợp các ngành, các cấp và các trường, viện nghiên cứu thực hiện nghiên cứu, chuyển giao, phát triển, ứng dụng khoa học và công nghệ về bảo vệ môi trường, quản lý tài nguyên và ứng phó với biến đổi khí hậu;

b) Bảo đảm quyền lợi, khuyến khích các tổ chức, cá nhân phát huy sáng kiến và áp dụng các giải pháp công nghệ trong bảo vệ môi trường;

c) Kiểm soát, hạn chế các công nghệ lạc hậu gây ô nhiễm môi trường đầu tư vào sản xuất kinh doanh trên địa bàn tỉnh.

5. Ủy ban nhân dân cấp huyện

a) Thực hiện công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng theo quy định của pháp luật để xây dựng các công trình xử lý chất thải theo quy hoạch; tổ chức phân loại chất thải rắn tại nguồn, kiểm tra việc thu gom và vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn; xử lý, giải tỏa các bãi rác tự phát, các trường hợp đổ chất thải không đúng quy định;

b) Chỉ đạo các phòng chuyên môn rà soát, hướng dẫn, đôn đốc các cơ sở sản xuất kinh doanh, dịch vụ trên địa bàn thực hiện các thủ tục pháp lý về bảo vệ môi trường, quản lý chất thải theo đúng quy định của pháp luật.

6) Các sở, ban, ngành có liên quan:

a) Phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Xây dựng, Ủy ban nhân dân cấp huyện xây dựng quy hoạch ngành phải tuân thủ các quy định về quy hoạch quản lý chất thải của tỉnh;

b) Hướng dẫn các đơn vị theo phân cấp quản lý chấp hành các quy định về bảo vệ môi trường, quản lý chất thải theo đúng quy định.

Điều 16. Phối hợp trong công tác phòng ngừa ô nhiễm môi trường

1. Sở Tài nguyên và Môi trường là cơ quan chủ trì công tác phòng ngừa ô nhiễm và bảo vệ môi trường trên địa bàn toàn tỉnh; có trách nhiệm xây dựng chương trình, kế hoạch, nhiệm vụ về bảo vệ môi trường; theo dõi, đánh giá chất lượng, diễn biến môi trường trên địa bàn tỉnh và công bố công khai các thông tin theo quy định; thanh tra, kiểm tra các cơ sở sản xuất, kinh doanh trên địa bàn tỉnh.

2. Các sở, ban, ngành có trách nhiệm chủ trì công tác phòng ngừa ô nhiễm và bảo vệ môi trường trong các lĩnh vực, địa bàn thuộc trách nhiệm quản lý nhà nước của mình và có trách nhiệm phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường, Công an tỉnh trong việc cung cấp thông tin, số liệu, thẩm định các hồ sơ, thủ tục hoặc tham gia xử lý đối với trường hợp có liên quan đến lĩnh vực, đơn vị mình quản lý.

3. Ủy ban nhân dân huyện, thành phố là cơ quan chủ trì trong công tác phòng ngừa ô nhiễm và bảo vệ môi trường trên địa bàn quản lý, có trách nhiệm; xây dựng, phê duyệt chương trình, kế hoạch thực hiện nhiệm vụ bảo vệ môi trường; thanh tra, kiểm tra các cơ sở sản xuất, kinh doanh hoạt động trên địa bàn theo thẩm quyền.

4. Ủy ban nhân dân cấp xã là cơ quan chủ trì trong công tác phòng ngừa ô nhiễm và bảo vệ môi trường trên địa bàn và có trách nhiệm: Xây dựng kế hoạch, thực hiện nhiệm vụ bảo vệ môi trường, giữ gìn vệ sinh môi trường; vận động nhân dân xây dựng nội dung bảo vệ môi trường trong hương ước; xây dựng kế hoạch đưa tiêu chí 17 về môi trường và an toàn thực phẩm vào mục tiêu phấn đấu đạt chuẩn nông thôn mới.

5. Cơ quan chủ trì trong công tác phòng ngừa và bảo vệ môi trường có quyền đề nghị các cơ quan, tổ chức khác phối hợp thực hiện.

Điều 17. Phối hợp trong việc xử lý ô nhiễm môi trường

1. Sở Tài nguyên và Môi trường là cơ quan chủ trì việc xử lý các trường hợp để xảy ra ô nhiễm môi trường tại các cơ sở thuộc đối tượng phải lập báo cáo đánh giá tác động môi trường (trừ trường hợp thuộc địa bàn quản lý của Ban Quản lý các Khu công nghiệp) hoặc các trường hợp để xảy ra ô nhiễm môi trường ảnh hưởng đến địa bàn của nhiều huyện, cụ thể:

a) Khi tiếp nhận và xác nhận thông tin về ô nhiễm môi trường, Sở Tài nguyên và Môi trường chủ động hoặc phối hợp với Công an tỉnh, các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã có liên quan thành lập đoàn công tác liên ngành tiến hành kiểm tra tại hiện trường, xử lý các đối tượng vi phạm; hướng dẫn, yêu cầu đối tượng gây ô nhiễm môi trường thực hiện ngay các biện pháp để giảm thiểu các thiệt hại về môi trường và khắc phục hậu quả do ô nhiễm môi trường gây ra;

b) Trường hợp xảy ra sự cố ô nhiễm môi trường nghiêm trọng hoặc vượt quá khả năng, thẩm quyền phải báo cáo Bộ Tài nguyên và Môi trường, kịp thời tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh thành lập Ban chỉ đạo ứng phó với các sự cố môi trường nhằm huy động lực lượng, phương tiện, thiết bị để xử lý, khắc phục các sự cố môi trường;

c) Thực hiện việc xử lý theo thẩm quyền hoặc đề nghị cơ quan thẩm quyền xử lý theo quy định của pháp luật đối với các tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm pháp luật trong lĩnh vực bảo vệ môi trường.

2. Các sở, ban, ngành cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã là cơ quan phối hợp với sở Tài nguyên và Môi trường, Công an tỉnh để xử lý các trường hợp để xảy ra ô nhiễm trong các trường hợp nêu tại khoản 1, Điều này, có trách nhiệm chấp thuận sự điều động của cơ quan chủ trì hoặc Ban chỉ đạo ứng phó với các sự cố môi trường (trong trường hợp xảy ra sự cố môi trường nghiêm trọng) về lực lượng, phương tiện; tham gia giải quyết, xử lý các vấn đề về ô nhiễm môi trường.

3. Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm chủ trì trong việc xử lý các trường hợp để xảy ra ô nhiễm môi trường trên địa bàn, trừ trường hợp do Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì xử lý.

a) Khi tiếp nhận và xác nhận thông tin về ô nhiễm môi trường, Ủy ban nhân dân cấp huyện chủ động hoặc phối hợp với các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân cấp xã có liên quan thành lập đoàn công tác liên ngành tiến hành kiểm tra tại hiện trường, xử lý các đối tượng vi phạm; hướng dẫn, yêu cầu đối tượng gây ô nhiễm môi trường thực hiện ngay các biện pháp để giảm thiểu các thiệt hại về môi trường hoặc khắc phục hậu quả do ô nhiễm môi trường gây ra;

b) Trường hợp xảy ra sự cố ô nhiễm môi trường vượt quá khả năng, thẩm quyền phải kịp thời báo cáo Sở Tài nguyên và Môi trường, Ủy ban nhân dân tỉnh để xin ý kiến chỉ đạo, hướng dẫn xử lý nhằm khắc phục các sự cố môi trường;

c) Thực hiện việc xử lý theo thẩm quyền hoặc đề nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý theo quy định của pháp luật đối với các tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường trên địa bàn quản lý. Trường hợp giải quyết kiến nghị về ô nhiễm môi trường nhưng chưa có các văn bản hướng dẫn cụ thể, Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm chỉ đạo cơ quan chuyên môn có văn bản trao đổi nghiệp vụ với các ngành có liên quan để được hướng dẫn và phối hợp xử lý.

5. Ủy ban nhân dân cấp xã chủ trì xử lý các vấn đề về ô nhiễm môi trường, gìn giữ vệ sinh môi trường trên địa bàn khu dân cư thuộc phạm vi quản lý. Trường hợp có vấn đề vượt quá thẩm quyền phải kịp thời báo cáo với Ủy ban nhân dân cấp huyện để xử lý theo quy định của pháp luật.

6. Các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh và trước pháp luật khi xảy ra các vấn đề về ô nhiễm môi trường trong lĩnh vực, địa bàn thuộc trách nhiệm quản lý nhà nước của đơn vị.

7. Tổ chức, cá nhân gây ô nhiễm môi trường phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và thực hiện các biện pháp xử lý ô nhiễm môi trường theo yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước và các quy định của pháp luật.

Điều 18. Phối hợp trong việc khắc phục ô nhiễm và cải thiện môi trường

1. Sở Tài nguyên và Môi trường là cơ quan chủ trì trong công tác xử lý, khắc phục ô nhiễm và cải thiện môi trường trên địa bàn tỉnh, có trách nhiệm:

a) Kiểm tra, đánh giá và công bố hiện trạng môi trường sau khi đã được khắc phục; tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh và Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo thực hiện các biện pháp hạn chế, can thiệp hoặc phục hồi môi trường;

b) Hướng dẫn tổ chức, cá nhân gây ô nhiễm môi trường thực hiện các biện pháp khắc phục hậu quả và phục hồi môi trường.

2. Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành có liên quan thực hiện các nhiệm vụ theo quy định tại điểm a, b, khoản 1, Điều này; kiến nghị, đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh áp dụng các hình thức cưỡng chế, bắt buộc các tổ chức, cá nhân gây ô nhiễm thực hiện biện pháp khắc phục ô nhiễm môi trường.

3. Ủy ban nhân dân cấp huyện, xã có trách nhiệm theo dõi, giám sát và báo cáo Sở Tài nguyên và Môi trường, Ủy ban nhân dân tỉnh và Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh kết quả thực hiện việc khắc phục hậu quả ô nhiễm môi trường của tổ chức, cá nhân gây ô nhiễm môi trường trên địa bàn mình quản lý.

4. Tổ chức, cá nhân gây ô nhiễm môi trường chịu trách nhiệm thực hiện biện pháp khắc phục ô nhiễm và phục hồi môi trường theo yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước và các quy định của pháp luật.

5. Kinh phí khắc phục ô nhiễm môi trường, sự cố môi trường:

a) Trường hợp tổ chức, cá nhân gây ra ô nhiễm môi trường hoặc sự cố môi trường thì phải chịu trách nhiệm về kinh phí thực hiện việc khắc phục ô nhiễm môi trường, sự cố môi trường;

b) Trường hợp ô nhiễm môi trường hoặc sự cố môi trường không do lỗi của tổ chức, cá nhân gây ra thì các cơ quan chủ trì phải có trách nhiệm xây dựng dự toán, dự trù nguồn kinh phí để xử lý (từ nguồn thu phí bảo vệ môi trường theo quy định và ngân sách nhà nước) trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định và bố trí kinh phí theo phân cấp hiện hành để thực hiện. Trường hợp ô nhiễm môi trường, sự cố môi trường ảnh hưởng đến địa bàn hai (02) huyện trở lên, Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm xử lý, tham mưu xử lý.

Điều 19. Phối hợp trong công tác thanh tra, kiểm tra về bảo vệ môi trường

1. Về nguyên tắc thanh tra, kiểm tra:

a) Khi xây dựng, phê duyệt kế hoạch thanh tra, kiểm tra hàng năm không để xảy ra tình trạng thanh tra, kiểm tra quá 01 lần/năm đối với các doanh nghiệp và đảm bảo không làm ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp.

b) Trường hợp kiểm tra đột xuất khi có dấu hiệu vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường theo đơn thư tố cáo, phản ánh, kiến nghị của người dân, ý kiến kiến nghị của cử tri, cơ quan thông tấn, báo chí. Cơ quan được giao chủ trì phải tiến hành ngay việc kiểm tra và xác định rõ tính chất, mức độ vi phạm, chịu trách nhiệm trước pháp luật về kết luận kiểm tra, xử lý vi phạm (nếu có). Không mở rộng phạm vi thanh tra, kiểm tra vượt quá nội dung của quyết định thanh tra, kiểm tra đột xuất.

c) Trường hợp phát hiện thấy nội dung, phạm vi thanh tra có chồng chéo, trùng lặp với cơ quan thực hiện chức năng thanh tra khác, Thủ trưởng cơ quan tiến hành thanh tra phải báo ngay với cơ quan hành chính cùng cấp, cơ quan thanh tra cấp trên và cơ quan, đơn vị có liên quan để có giải pháp phù hợp, tránh chồng chéo, trùng lặp và đảm bảo tính kế thừa trong hoạt động giữa các cơ quan, đơn vị.

2. Định kỳ hàng năm, Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm xây dựng, tổng hợp kế hoạch thanh tra, kiểm tra việc chấp hành các quy định pháp luật về bảo vệ môi trường báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, Thanh tra tỉnh và báo cáo Bộ Tài nguyên và Môi trường. Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì thanh tra, kiểm tra các cơ sở sản xuất kinh doanh trên địa bàn tỉnh.

3. Các sở, ngành có liên quan, Ủy ban nhân dân cấp huyện, xây dựng kế hoạch kiểm tra bảo vệ môi trường theo lĩnh vực quản lý của ngành gửi về Sở Tài nguyên và Môi trường trước ngày 15 tháng 12 hàng năm để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, Thanh tra tỉnh.

4. Ủy ban nhân dân cấp huyện chủ trì, kiểm tra bảo vệ môi trường các dự án, cơ sở sản xuất trên địa bàn thuộc thẩm quyền quản lý (trừ các dự án thuộc đối tượng lập báo cáo đánh giá tác động môi trường).

5. Ủy ban nhân dân cấp xã chủ trì, kiểm tra bảo vệ môi trường các cơ sở sản xuất, kinh doanh quy mô hộ gia đình trên địa bàn thuộc thẩm quyền quản lý.

6. Các cơ quan, đơn vị khi kiểm tra phát hiện các vi phạm vượt quá thẩm quyền, kịp thời báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh và thông tin cho Sở Tài nguyên và Môi trường phối hợp giải quyết.

Khi tổ chức các đoàn thanh tra, kiểm tra liên ngành về bảo vệ môi trường, các đơn vị là thành viên có trách nhiệm chuẩn bị, cung cấp kịp thời, đầy đủ các thông tin, tài liệu có liên quan đến chuyên ngành quản lý để phục vụ công tác thanh tra, kiểm tra. Kết thúc thanh tra, kiểm tra, cơ quan chủ trì thông báo tới các cơ quan liên quan kết luận thanh tra, kiểm tra để cùng theo dõi, quản lý.

Điều 20. Phối hợp trong công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường

1. Sở Tài nguyên và Môi trường, các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện và các đơn vị có liên quan:

a) Khi phát hiện sự việc có dấu hiệu tội phạm về bảo vệ môi trường xảy ra trong phạm vi quản lý phải có trách nhiệm thông báo và cung cấp tài liệu có liên quan cho cơ quan Công an để thực hiện công tác nghiệp vụ và xử lý theo quy định của pháp luật;

b) Cung cấp kết quả xử lý các vụ việc vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường theo thẩm quyền và các thông tin, tài liệu khác có liên quan cho cơ quan Công an để thực hiện công tác nghiệp vụ đấu tranh phòng, chống tội phạm và vi phạm pháp luật bảo vệ môi trường;

c) Hỗ trợ kỹ thuật trong công tác lấy mẫu và phân tích mẫu môi trường làm cơ sở cho cơ quan Công an lập hồ sơ xử lý theo quy định của pháp luật.

2. Công an tỉnh

a) Khi nhận được tin báo và tài liệu có liên quan về tội phạm vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường do các cấp, ngành, đơn vị chuyển đến, phải kịp thời triển khai các biện pháp nghiệp vụ và xử lý theo quy định của pháp luật;

b) Thông báo cho Sở Tài nguyên và Môi trường, Ủy ban nhân dân cấp huyện nơi có hành vi vi phạm kết quả xử lý các vụ việc có dấu hiệu tội phạm về môi trường.

Điều 21. Phối hợp trong giải quyết khiếu nại, tố cáo, tranh chấp, kiến nghị về lĩnh vực bảo vệ môi trường

1. Sở Tài nguyên và Môi trường:

a) Là đầu mối tiếp nhận các kiến nghị, khiếu nại, tố cáo, tranh chấp về môi trường đối với các cơ sở sản xuất kinh doanh hoạt động trên địa bàn tỉnh;

b) Duy trì hoạt động đường dây nóng tiếp nhận các thông tin phản ánh của cộng đồng về các vấn đề môi trường trên địa bàn tỉnh.

2. Ủy ban nhân dân cấp huyện là đầu mối tiếp nhận các kiến nghị, khiếu nại, tố cáo, tranh chấp về lĩnh vực bảo vệ môi trường trên địa bàn quản lý.

3. Các sở, ngành có liên quan khi tiếp nhận kiến nghị, khiếu nại, tố cáo, tranh chấp về môi trường thuộc quản lý chuyên ngành thì có trách nhiệm xử lý theo phân cấp hoặc thông báo cho cơ quan có thẩm quyền để cùng phối hợp tham gia giải quyết theo quy định.

4. Trường hợp có các ý kiến khác nhau về giải quyết vụ việc khiếu nại, tố cáo, tranh chấp và kiến nghị, xử lý vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường phải báo cáo lãnh đạo cùng cấp của ngành mình xem xét, giải quyết. Đối với những vấn đề chưa thống nhất, cơ quan thụ lý có trách nhiệm tổng hợp, đề xuất hướng giải quyết báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh.

Điều 22. Phối hợp thực hiện quan trắc và công khai thông tin về môi trường

1. Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ban Quản lý các Khu công nghiệp xây dựng kế hoạch và thực hiện quan trắc theo kế hoạch; triển khai lắp đặt, theo dõi, vận hành hệ thống **nhận, truyền và quản lý dữ liệu từ các** trạm quan trắc tự động liên tục **của** các cơ sở sản xuất, kinh doanh có phát sinh chất thải trên địa bàn tỉnh và công bố công khai thông tin về số liệu quan trắc môi trường theo quy định.

2. Ban Quản lý các Khu công nghiệp chỉ đạo các đơn vị trực thuộc đảm bảo hệ thống quan trắc tự động của nhà máy xử lý nước thải tập trung tại các khu công nghiệp kết nối dữ liệu tự động, liên tục về Sở Tài nguyên và Môi trường; thực hiện quan trắc môi trường định kỳ tại các khu công nghiệp trong phạm vi được giao quản lý theo đúng quy định của pháp luật, chia sẻ và công bố công khai thông tin về số liệu quan trắc.

3. Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm chỉ đạo các đơn vị có liên quan phối hợp tham gia công tác quan trắc môi trường, sử dụng kết quả quan trắc do Sở Tài nguyên và Môi trường cung cấp phục vụ cho công tác quản lý môi trường ở địa phương.

Điều 23. Phối hợp xử lý các vụ việc về môi trường, sự cố môi trường trên địa bàn tỉnh thông qua đường dây nóng

1. Trách nhiệm và quyền hạn xử lý.

a) Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm xử lý, phản hồi thông tin đối với các trường hợp sau: Các vấn đề ô nhiễm môi trường, sự cố môi trường trên diện rộng, có tính chất liên huyện; các tổ chức, cá nhân gây ô nhiễm môi trường mà quy mô cơ sở thuộc thẩm quyền phê duyệt hồ sơ môi trường của Ủy ban nhân dân tỉnh (báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc đề án bảo vệ môi trường chi tiết), Sở Tài nguyên và Môi trường (kế hoạch bảo vệ môi trường **hoặc cam kết bảo vệ môi trường**);

b) Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm xử lý và phản hồi thông tin đối với các trường hợp còn lại (**trừ các trường hợp quy định tại điểm a, khoản 1, Điều này**).

2. Tiếp nhận và chuyển thông tin.

a) Sở Tài nguyên và Môi trường tiếp nhận thông tin phản ánh, kiến nghị từ Tổng cục Môi trường và các tổ chức, cá nhân; chuyển thông tin phản ánh đến Phòng Tài nguyên và Môi trường cấp huyện đồng thời báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh theo dõi.

b) Ủy ban nhân dân cấp huyện tiếp nhận thông tin phản ánh, kiến nghị từ Sở Tài nguyên và Môi trường và các tổ chức, cá nhân; chuyển thông tin phản ánh đến Ủy ban nhân dân cấp xã.

3. Xác minh thông tin.

a) **Ngay sau khi tiếp nhận thông tin từ cán bộ đầu mối thuộc đơn vị cấp tỉnh, Chi cục Bảo vệ môi trường phân công công chức kịp thời xử lý các thông tin phản ánh, kiến nghị của tổ chức, cá nhân về ô nhiễm môi trường của địa phương. Tiếp nhận thông tin từ cán bộ đầu mối thuộc đơn vị cấp huyện, phải báo cáo Lãnh đạo Ủy ban nhân dân cấp huyện để chỉ đạo xác minh thông tin;**

b) Thời hạn xác minh thông tin phải được thực hiện trong vòng 24 giờ kể từ khi tiếp nhận thông tin từ cán bộ đầu mối đường dây nóng tỉnh.

4. Xử lý thông tin.

Ngay sau khi thông tin phản ánh, kiến nghị của tổ chức, cá nhân về vấn đề ô nhiễm môi trường được xác định là đúng:

a) **Sở Tài nguyên và Môi trường xem xét thẩm quyền xử lý nếu thuộc các trường hợp quy định tại điểm a khoản 1 Điều này thực hiện ngay các biện pháp xử lý, ngăn chặn, ứng phó ô nhiễm môi trường, xác minh đối tượng gây ô nhiễm môi trường, phạm vi và mức độ ô nhiễm; trường hợp khác đề nghị UBND cấp huyện chỉ đạo phòng tài nguyên và môi trường cấp huyện thực hiện ngay các biện pháp xử lý, ngăn chặn, ứng phó ô nhiễm môi trường, xác minh đối tượng gây ô nhiễm môi trường, phạm vi và mức độ ô nhiễm; trường hợp vụ việc phức tạp cần có sự giải quyết của nhiều cấp, nhiều ngành, phải báo Ủy ban nhân dân tỉnh, Tổng cục Môi trường để được hướng dẫn chỉ đạo phối hợp giải quyết;**

b) Ủy ban nhân dân cấp huyện xem xét thẩm quyền xử lý nếu thuộc quy định tại điểm b khoản 1 Điều này thì kịp thời triển khai ngay các biện pháp ngăn chặn việc phát tán chất gây ô nhiễm; xác minh đối tượng gây ô nhiễm, phạm vi và mức độ ô nhiễm. Trường hợp không thuộc thẩm quyền xử lý thì báo cáo Sở Tài nguyên và Môi trường để được hướng dẫn, phối hợp giải quyết;

c) Việc xử lý thông tin được hoàn thành trong vòng 48 giờ kể từ khi nhận được kết quả xác minh thông tin là chính xác.

5. Phản hồi thông tin.

Sau khi nhận được kết quả xử lý thông tin, Sở Tài nguyên và Môi trường hoặc Ủy ban nhân dân cấp huyện lập báo cáo ngắn gọn về: Tính xác thực nội dung thông tin, nguyên nhân ô nhiễm, đối tượng gây ô nhiễm, mức độ và phạm vi ô nhiễm, đối tượng bị ảnh hưởng ô nhiễm, các biện pháp ngăn chặn, xử lý, định hướng triển khai các biện pháp khác trong thời gian tới, gửi cho cơ quan có thẩm quyền xem xét (đưa ra các bước xử lý tiếp theo nếu cần thiết) và cung cấp kết quả xác minh, xử lý thông tin tới người cung cấp thông tin được biết.

6. Tổ chức thực hiện.

a) Sở Tài nguyên và Môi trường thiết lập và giao cho Chi cục Bảo vệ môi trường làm đầu mối theo dõi, hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện tiếp nhận và xử lý thông tin phản ánh; tổng hợp báo cáo cho Ủy ban nhân dân tỉnh, Bộ Tài nguyên và Môi trường trước 30 hàng tháng; công khai đường dây nóng trên Cổng thông tin điện tử; tổng hợp, đề xuất kinh phí phục vụ cho công tác tiếp nhận và xử lý thông tin về ô nhiễm môi trường (thuộc thẩm quyền xử lý của cấp tỉnh) thông qua đường dây nóng;

b) Ủy ban nhân dân cấp huyện xây dựng quy trình phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp xã về xử lý các vụ việc về môi trường, sự cố môi trường trên địa bàn huyện, thành phố qua đường dây nóng; bố trí kinh phí cho công tác tiếp nhận và xử lý thông tin về các vấn đề ô nhiễm môi trường (thuộc thẩm quyền xử lý của huyện, thành phố) thông qua đường dây nóng; tổng hợp báo cáo cho Ủy ban nhân dân tỉnh (thông qua Sở Tài nguyên và Môi trường) về kết quả tiếp nhận, xử lý thông tin thông qua đường dây nóng trước ngày 30 hàng tháng.

Chương V

PHỐI HỢP TRONG LĨNH VỰC ĐO ĐẠC, BẢN ĐỒ VÀ VIỄN THÁM

Điều 24. Trong chỉ đạo điều hành

1. Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, xây dựng và tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành văn bản quy phạm pháp luật về quản lý hoạt động đo đạc, bản đồ và viễn thám trên địa bàn tỉnh. Quản lý chất lượng công trình, sản phẩm đo đạc và bản đồ địa chính, đo đạc và bản đồ chuyên ngành phục vụ các mục đích chuyên dụng của địa phương; quản lý công trình xây dựng đo đạc, quản lý thông tin, dữ liệu đo đạc và bản đồ theo phân cấp; quản lý hoạt động xuất bản bản đồ tại địa phương.

2. Các sở, ban, ngành

a) Quán triệt và triển khai thực hiện các nội dung của **Quy chế này** theo đúng thẩm quyền, trách nhiệm được giao;

b) Chỉ đạo các chủ đầu tư thực hiện đúng quy định về quản lý chất lượng sản phẩm công trình đo đạc và bản đồ; lựa chọn tổ chức có đủ tư cách pháp nhân, có giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ phù hợp với nội dung dự án, phương án để thực hiện các nội dung đo đạc và bản đồ;

c) Chỉ đạo thực hiện đúng các quy định về thẩm định các dự án, phương án có hạng mục đo đạc và bản đồ; về tổ chức kiểm tra, nghiệm thu sản phẩm công trình đo đạc và bản đồ;

d) Phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường thực hiện việc quản lý, sử dụng, cung cấp thông tin, dữ liệu đo đạc và bản đồ theo quy định.

3. UBND cấp huyện có trách nhiệm chỉ đạo Phòng Tài nguyên và Môi trường cấp huyện thực hiện các nhiệm vụ:

a) Theo dõi, giám sát những hoạt động đo đạc và bản đồ trên địa bàn theo đúng quy định;

b) Kiểm tra, xem xét hiện trường và báo cáo Sở Tài nguyên và Môi trường về tình trạng dấu mốc đo đạc bị xâm hại hoặc có khả năng bị xâm hại, dấu mốc đo đạc phải di dời hoặc hủy bỏ trong thời gian không quá năm (05) ngày làm việc kể từ khi nhận được báo cáo của UBND cấp xã;

c) Thống kê, cập nhật hiện trạng các công trình xây dựng đo đạc trên địa bàn huyện và báo cáo Sở Tài nguyên và Môi trường trước ngày 15 tháng 12 hàng năm;

d) Rà soát, lập kế hoạch, thực hiện đo đạc thành lập bản đồ địa chính phục vụ công tác cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với các khu vực chưa có cơ sở dữ liệu đo đạc về đất đai và đo đạc chỉnh lý đối với các tờ bản đồ địa chính sai lệch, rách nát không sử dụng được theo quy định trên địa bàn huyện.

4. Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm phối hợp với đơn vị thi công trong việc xác định ranh giới thửa đất, lập bản mô tả ranh giới, mốc giới thửa đất (theo Thông tư số 25/2014/TT-BTNMT ngày 19 tháng 5 năm 2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về bản đồ địa chính).

a) Theo dõi các hoạt động đo đạc và bản đồ trên địa bàn mình quản lý, nếu phát hiện đơn vị thi công đo đạc đang thi công trên địa bàn mà không có thông báo thì tiến hành lập biên bản và báo cáo cơ quan Tài nguyên và Môi trường cấp huyện để xử lý theo quy định;

b) Có trách nhiệm phối hợp với đơn vị thi công đo đạc khi có yêu cầu và cử cán bộ công chức địa chính cấp xã, cán bộ thôn, xóm, tổ dân phố để được hỗ trợ, hướng dẫn việc xác định hiện trạng, ranh giới sử dụng đất;

c) Có trách nhiệm phối hợp với chủ đầu tư, đơn vị thi công đo đạc trong việc triển khai thực hiện, kiểm tra, đánh giá chất lượng sản phẩm, ký xác nhận hiện trạng sử dụng đất, xác nhận tình trạng pháp lý sử dụng đất trên địa bàn mình quản lý;

d) Quản lý, bảo vệ và ngăn chặn các hành vi xâm hại các công trình xây dựng đo đạc trên địa bàn xã;

đ) Cập nhật các công trình xây dựng đo đạc trên địa bàn xã, bổ sung phần ghi chú của sổ địa chính về dấu mốc đo đạc trên thửa đất;

e) Tuyên truyền, phổ biến các quy định về quản lý, bảo vệ công trình xây dựng đo đạc để người dân tại địa phương có trách nhiệm bảo vệ dấu mốc đo đạc không bị xê dịch, phá hủy hoặc làm hư hỏng;

g) Thường xuyên kiểm tra, khi phát hiện thấy các dấu mốc đo đạc bị xâm hại hoặc có khả năng bị xâm hại thì trong thời gian không quá 03 ngày làm việc phải báo cáo Phòng Tài nguyên và Môi trường cấp huyện về hiện trạng và nguyên nhân xâm hại dấu mốc đo đạc;

h) Đối với trường hợp phải di chuyển hoặc hủy bỏ dấu mốc đo đạc, trong thời gian không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu của chủ sử dụng đất hoặc chủ sở hữu công trình về việc xin di chuyển hoặc hủy bỏ dấu mốc đo đạc, Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm báo cáo Phòng Tài nguyên và Môi trường cấp huyện để giải quyết;

i) Thống kê, cập nhật hiện trạng các công trình xây dựng đo đạc trên địa bàn xã và báo cáo Phòng Tài nguyên và Môi trường cấp huyện trước ngày 10 tháng 12 hàng năm.

Điều 25. Trong thẩm định phương án thi công trích đo địa chính, kiểm tra nghiệm thu sản phẩm bản đồ phục vụ bồi thường giải phóng mặt bằng

1. Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì thẩm định các phương án thi công công trình trích đo bản đồ địa chính phục vụ bồi thường giải phóng mặt bằng.

2. Các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện:

a) Chấp hành nghiêm túc các quy định của pháp luật về đo đạc bản đồ;

b) Các chương trình, đề án, dự án nhiệm vụ có sử dụng ngân sách nhà nước do các sở ban ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện (chủ đầu tư) có nội dung có liên quan đến hoạt động đo đạc và bản đồ trên địa bàn tỉnh nếu phải đo đạc mới thì phải có văn bản thẩm định sự cần thiết, phạm vi, giải pháp kỹ thuật công nghệ của Sở Tài nguyên và Môi trường;

c) Chủ đầu tư phải khai thác hệ thống bản đồ, bản đồ nền địa chính và hồ sơ địa chính tại Sở Tài nguyên và Môi trường để xây dựng chương trình đề án, dự án, nhiệm vụ phục vụ công tác thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, giải phóng mặt bằng, quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, quy hoạch chung, quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị, quy hoạch chuyên ngành.

3. Cơ quan tài chính, kho bạc các cấp: Khi thẩm định hồ sơ thanh toán, quyết toán, sản phẩm đo đạc và bản đồ cần chú ý kiểm tra và chỉ cho thanh toán khi có đủ hồ sơ kiểm tra, thẩm định kỹ thuật về chất lượng và khối lượng sản phẩm của cơ quan có thẩm quyền và biên bản giao nộp sản phẩm tài liệu cho các cơ quan quản lý theo quy định.

Chương VI

PHỐI HỢP TRONG LĨNH VỰC QUẢN LÝ ĐẤT ĐAI

Điều 26. Tham mưu việc ban hành văn bản quy phạm pháp luật về quản lý, sử dụng đất đai thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh; hướng dẫn chuyên môn nghiệp vụ

1. Tham mưu ban hành văn bản quy phạm pháp luật về quản lý, sử dụng đất đai thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh.

a) Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì trong việc soạn thảo đối với các văn bản có nội dung quy định về quản lý, sử dụng đất đai, xây dựng giá đất;

b) Sở Tài chính chủ trì phối hợp với các cơ quan, tổ chức, đơn vị xây dựng quy định về tỷ lệ (%) để xác định đơn giá thuê đất; đơn giá thuê đất có mặt nước; đơn giá thuê đất để xây dựng công trình ngầm trên địa bàn tỉnh;

c) Ủy ban nhân dân cấp huyện, các sở, ban, ngành có trách nhiệm tham gia, góp ý theo đề nghị của cơ quan chủ trì soạn thảo;

d) Sở Tư pháp có trách nhiệm thẩm định theo quy định.

2. Ban hành văn bản hướng dẫn chuyên môn nghiệp vụ.

a) Sở Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn chuyên môn nghiệp vụ liên quan đến các nội dung về quản lý, sử dụng đất đai do Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành Thông tư hướng dẫn;

b) Sở Tài chính hướng dẫn chuyên môn nghiệp vụ liên quan đến các nội dung về quản lý, sử dụng đất đai do Bộ Tài chính ban hành Thông tư hướng dẫn;

c) Cục Thuế tỉnh hướng dẫn chuyên môn liên quan đến các nội dung về chế độ miễn, giảm tiền sử dụng đất, tiền thuê đất;

d) Sở Xây dựng hướng dẫn chuyên môn nghiệp vụ liên quan đến các nội dung về chính sách hỗ trợ, mua, thuê nhà ở gắn liền với đất ở do Bộ Xây dựng ban hành Thông tư hướng dẫn;

đ) Sở Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn chuyên môn nghiệp vụ liên quan đến các nội dung về chính sách đầu tư do Bộ Kế hoạch và Đầu tư ban hành Thông tư hướng dẫn.

Điều 27. Trách nhiệm xác định nhu cầu sử dụng đất trong việc lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất

1. Trách nhiệm xác định nhu cầu sử dụng đất trong việc lập, điều chỉnh kế hoạch sử dụng đất cấp tỉnh, thực hiện theo quy định tại điểm 2, khoản 3, điều 1, Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai.

a) Các sở, ngành xác định nhu cầu sử dụng đất đối với các dự án sử dụng đất thuộc chỉ tiêu sử dụng đất cấp tỉnh theo từng đơn vị hành chính cấp huyện; Ủy ban nhân dân cấp huyện xác định nhu cầu sử dụng đất của địa phương;

b) Các sở, ngành và Ủy ban nhân dân cấp huyện gửi nhu cầu sử dụng đất đến Sở Tài nguyên và Môi trường trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được văn bản của Sở Tài nguyên và Môi trường đề nghị đăng ký nhu cầu sử dụng đất;

c) Sở Tài nguyên và Môi trường dự kiến phân bổ các chỉ tiêu sử dụng đất trong kế hoạch sử dụng đất quốc gia đến từng đơn vị hành chính cấp huyện; tổng hợp, cân đối nhu cầu sử dụng đất và dự kiến phân bổ các chỉ tiêu sử dụng đất cấp tỉnh đến từng đơn vị hành chính cấp huyện;

d) Trong trường hợp cần thiết mà phải thay đổi về quy mô, địa điểm và số lượng dự án, công trình trong cùng một loại đất nhưng không làm thay đổi về chỉ tiêu và khu vực sử dụng đất theo chức năng sử dụng trong kế hoạch sử dụng đất cấp tỉnh đã được phê duyệt thì Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm trình Hội đồng nhân dân cùng cấp thông qua trước khi quyết định cập nhật vào quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất cấp huyện để tổ chức thực hiện.

2. Quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất cấp huyện: thực hiện theo quy định tại điểm 3, khoản 3, Điều 1, Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai

a) Trách nhiệm xác định nhu cầu sử dụng đất trong việc lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất cấp huyện:

Các phòng, ban cấp huyện xác định nhu cầu sử dụng đất và đề xuất các dự án sử dụng đất thuộc danh mục chỉ tiêu sử dụng đất cấp huyện theo từng đơn vị hành chính cấp xã; Ủy ban nhân dân cấp xã xác định nhu cầu sử dụng đất của địa phương.

Các phòng, ban cấp huyện và Ủy ban nhân dân cấp xã gửi nhu cầu sử dụng đất về Phòng Tài nguyên và Môi trường trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được văn bản của Phòng Tài nguyên và Môi trường đề nghị đăng ký nhu cầu sử dụng đất.

Phòng Tài nguyên và Môi trường xác định các chỉ tiêu sử dụng đất cấp tỉnh và các dự án trong kế hoạch sử dụng đất cấp tỉnh đã phân bổ cho cấp huyện đến từng đơn vị hành chính cấp xã; tổng hợp, cân đối nhu cầu sử dụng đất và dự kiến phân bổ các chỉ tiêu sử dụng đất cấp huyện đến từng đơn vị hành chính cấp xã;

b) Chỉ tiêu sử dụng đất trong quy hoạch sử dụng đất cấp huyện gồm chỉ tiêu sử dụng đất theo loại đất và chỉ tiêu sử dụng đất theo khu chức năng.

Chỉ tiêu sử dụng đất theo loại đất gồm chỉ tiêu sử dụng đất theo loại đất đã được xác định trong quy hoạch tỉnh và chỉ tiêu sử dụng đất theo loại đất do cấp huyện, cấp xã xác định. Chỉ tiêu sử dụng đất theo loại đất do cấp huyện, cấp xã xác định gồm đất nông nghiệp khác; đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm; đất phát triển hạ tầng cấp huyện, cấp xã; đất sinh hoạt cộng đồng, khu vui chơi, giải trí công cộng; đất tín ngưỡng; đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối và mặt nước chuyên dùng; đất phi nông nghiệp khác.

Chỉ tiêu sử dụng đất theo khu chức năng gồm khu vực chuyên trồng lúa nước; khu vực chuyên trồng cây công nghiệp lâu năm; khu vực rừng phòng hộ, rừng đặc dụng, rừng sản xuất; khu công nghiệp, cụm công nghiệp; khu đô thị mới, khu đô thị -

thương mại - dịch vụ; khu du lịch; khu ở, làng nghề, sản xuất phi nông nghiệp nông thôn;

c) Trong trường hợp cần thiết mà phải điều chỉnh về quy mô, địa điểm và số lượng dự án, công trình hoặc nhu cầu sử dụng đất của hộ gia đình, cá nhân nhưng không làm thay đổi về chỉ tiêu sử dụng đất theo loại đất và khu vực sử dụng đất theo chức năng trong quy hoạch sử dụng đất cấp huyện thì Phòng Tài nguyên và Môi trường tổng hợp nhu cầu sử dụng đất của tổ chức, hộ gia đình, cá nhân trình Ủy ban nhân dân cấp huyện báo cáo Sở Tài nguyên và Môi trường. Sở Tài nguyên và Môi trường trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định và cập nhật vào kế hoạch sử dụng đất hàng năm cấp huyện.

Trường hợp có bổ sung dự án, công trình mà phải thu hồi đất theo quy định tại khoản 3 Điều 62 của Luật Đất đai thì phải được Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thông qua trước khi Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định và cập nhật vào kế hoạch sử dụng đất hàng năm cấp huyện.

Điều 28. Phối hợp trong việc xác định quy mô, địa điểm công trình, dự án; vị trí, diện tích khu vực đất sử dụng vào các mục đích quy định tại Điều 61 và Điều 62 của Luật Đất đai để thực hiện thu hồi đất; xác định các khu vực phải chuyển mục đích sử dụng đất trong kế hoạch hàng năm của cấp huyện, bao gồm

1. Các sở, ngành xác định nhu cầu sử dụng đất và đề xuất các dự án sử dụng đất của ngành, lĩnh vực mình quản lý và thuộc chỉ tiêu sử dụng đất cấp tỉnh theo từng đơn vị hành chính cấp huyện, trong đó xác định rõ:

a) Quy mô, địa điểm công trình, dự án; vị trí, diện tích khu vực sử dụng đất vào các mục đích quy định tại Điều 61 và khoản 1, khoản 2 Điều 62 của Luật Đất đai và đã được ghi vốn thực hiện trong năm kế hoạch;

b) Quy mô, địa điểm công trình, dự án; vị trí, diện tích khu vực sử dụng đất vào các mục đích quy định tại khoản 3 Điều 62 của Luật Đất đai và đã được ghi vốn thực hiện trong năm kế hoạch đối với các dự án thực hiện bằng ngân sách nhà nước; có văn bản chấp thuận chủ trương đầu tư của cơ quan nhà nước có thẩm quyền đối với các dự án còn lại;

c) Vùng phụ cận dự án hạ tầng kỹ thuật, xây dựng, chỉnh trang khu đô thị, khu dân cư nông thôn để đấu giá quyền sử dụng đất thực hiện dự án nhà ở, thương mại, dịch vụ, sản xuất, kinh doanh trong năm kế hoạch đã có chủ trương bằng văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền;

d) Quy mô, địa điểm công trình, dự án; vị trí, diện tích khu vực cần phải chuyển mục đích sử dụng đất quy định tại các điểm a, b, c, d và e khoản 1 Điều 57 của Luật Đất đai trong năm kế hoạch trên từng đơn vị hành chính cấp huyện.

2. Ủy ban nhân dân cấp huyện xác định nhu cầu sử dụng đất của địa phương trong năm kế hoạch và có trách nhiệm tổng hợp nhu cầu sử dụng đất, cân đối xác định các chỉ tiêu sử dụng đất cho các ngành, lĩnh vực trong năm kế hoạch và phân bổ đến từng đơn vị hành chính cấp xã.

Điều 29. Thu hồi đất khi tổ chức bị giải thể hoặc phá sản

Trường hợp tổ chức được Nhà nước giao đất không thu tiền sử dụng đất, được Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất mà tiền sử dụng đất đã nộp có nguồn gốc từ ngân sách nhà nước hoặc cho thuê đất trả tiền thuê đất hàng năm bị giải thể, phá sản thì cơ quan ban hành quyết định giải thể, phá sản gửi quyết định giải thể, phá sản đến Sở Tài nguyên và Môi trường để lập hồ sơ thu hồi đất.

Điều 30. Về công tác bồi thường, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất theo quy định tại Điều 61 và Điều 62 của Luật Đất đai

1. Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp huyện theo các nội dung sau:

a) Hướng dẫn chính sách bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh giải quyết các vướng mắc liên quan đến công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đối với cấp huyện;

b) Kiểm tra phương án giá đất bồi thường cụ thể của các dự án và gửi thẩm định theo quy trình thẩm định giá của tỉnh sau khi nhận đủ hồ sơ của phương án giá đất bồi thường do Ủy ban nhân dân cấp huyện chuyển đến;

c) Chủ trì tổ chức thẩm định phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đối với các dự án chỉ thu hồi đất đối với tổ chức sau khi nhận được đủ hồ sơ bồi thường do tổ chức phát triển quỹ đất hoặc Ủy ban nhân dân cấp huyện gửi đến;

d) Tổ chức xây dựng hệ số điều chỉnh giá đất để bồi thường đối với các dự án theo Điểm b khoản 2 và điểm b khoản 4 Điều 18 Nghị định số 44/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về giá đất;

đ) Thực hiện báo cáo định kỳ về công tác bồi thường theo quy định.

2. Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm rà soát và góp ý để sửa đổi, bổ sung chính sách bồi thường, hỗ trợ, tái định cư cho phù hợp với điều kiện thực tế của các địa phương; chỉ đạo các đơn vị liên quan xây dựng phương án giá đất cụ thể bồi thường để gửi thẩm định theo quy định.

Điều 31. Công tác quản lý tài chính về đất đai

1. Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm hướng dẫn về công tác điều tra giá đất, áp dụng bảng giá đất của tỉnh, xác định giá đất cụ thể và hướng dẫn hoặc tham mưu UBND tỉnh giải quyết các vướng mắc liên quan đến công tác điều tra và định giá đất theo đề nghị của các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện, Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh.

2. Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường và các đơn vị liên quan tổ chức thực hiện việc xác định giá khởi điểm để đấu giá quyền sử dụng đất gắn với tài sản thuộc sở hữu nhà nước của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản nhà nước; xây dựng và trình Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành hệ số điều chỉnh giá đất; xác định các khoản được trừ vào số tiền sử dụng đất, thuê đất, thuê mặt nước phải nộp.

3. Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường để thực hiện nhiệm vụ định giá đất trên địa bàn tỉnh như sau:

a) Chỉ đạo thực hiện công tác thẩm định và phê duyệt giá đất cụ thể để làm căn cứ tính tiền bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn thẩm quyền hoặc phân cấp của cấp có thẩm quyền. Định kỳ trước ngày 25 tháng 12 hàng năm, gửi báo cáo kết quả thực hiện việc xác định giá đất cụ thể trên địa bàn về Sở Tài nguyên và Môi trường để tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh;

b) Chủ động rà soát và báo cáo Sở Tài nguyên và Môi trường các khu vực đã đầu tư hoàn chỉnh cơ sở hạ tầng hoặc có biến động lớn về giá đất chuyển nhượng quyền sử dụng đất và xây dựng phương án giá đất bổ sung hoặc điều chỉnh bảng giá đất theo quy định;

c) Cử các đơn vị chuyên môn liên quan tham gia các cuộc họp xây dựng bảng giá đất hoặc định giá đất cụ thể theo đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường hoặc Hội đồng thẩm định giá đất của tỉnh;

d) Chỉ đạo Ủy ban nhân dân cấp xã, các phòng, ban có liên quan phối hợp thực hiện công tác giá đất làm cơ sở xây dựng, điều chỉnh bảng giá đất và xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai về giá đất của tỉnh;

đ) Tổng hợp báo cáo số liệu các nguồn thu từ đất, gửi về Sở Tài nguyên và Môi trường trước ngày 25 của tháng cuối quý để Sở Tài nguyên và Môi trường có cơ sở báo cáo theo quy định.

Điều 32. Đăng ký đất đai, lập và quản lý hồ sơ địa chính, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất

1. Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm:

a) Thực hiện các nội dung quy định tại khoản 1 Điều 37 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều Luật đất đai, đã được sửa đổi, bổ sung tại khoản 23 Điều 2 Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ quy định sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành luật đất đai;

b) Chỉ đạo việc tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính về đất đai theo yêu cầu cung cấp dịch vụ;

c) Tổ chức kiểm tra, thanh tra công tác cấp giấy chứng nhận theo kế hoạch; kiểm tra, thanh tra đột xuất khi có vụ việc xảy ra hoặc theo yêu cầu của công tác quản lý; xử lý các đối tượng vi phạm trong công tác cấp giấy chứng nhận theo quy định;

d) Chủ trì, phối hợp với các Sở: Xây dựng, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để xây dựng hình thức, nội dung về việc đề nghị cung cấp thông tin liên quan trong việc chứng nhận, xác nhận bổ sung quyền sở hữu nhà ở, tài sản gắn liền với đất trên giấy chứng nhận nhằm thống nhất quản lý chung;

đ) Tổ chức thực hiện việc đo đạc lập bản đồ địa chính, sổ mục kê đất đai;

e) Chỉ đạo thực hiện chỉnh lý, cập nhật biến động bản đồ địa chính, sổ mục kê đất đai; lập, cập nhật và chỉnh lý biến động thường xuyên sổ địa chính và các tài liệu khác của hồ sơ địa chính ở địa phương;

g) Tổ chức thanh tra, kiểm tra việc cập nhật, chỉnh lý hồ sơ địa chính của Văn phòng đăng ký đất đai, Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai và Ủy ban nhân dân cấp xã;

h) Chỉ đạo Văn phòng đăng ký đất đai, Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai trong việc phối hợp xác định các nhiệm vụ quản lý nhà nước trong lĩnh vực đất đai và xây dựng kế hoạch đăng ký, cấp giấy chứng nhận, thực hiện các thủ tục hành chính trong lĩnh vực đất đai trình cấp thẩm quyền phê duyệt.

2. Trách nhiệm UBND cấp huyện:

a) Phân công nhiệm vụ, quy định trách nhiệm cho các phòng, ban và cán bộ, công chức, viên chức trong việc thực hiện Quy chế này; tổ chức kiểm tra và kịp thời giải quyết vướng mắc trong công tác cấp giấy chứng nhận;

b) Lập kế hoạch và tổ chức triển khai công tác cấp giấy chứng nhận lần đầu trên địa bàn cấp huyện;

c) Chỉ đạo Phòng Tài nguyên và Môi trường trong việc phối hợp xác định các nhiệm vụ quản lý nhà nước trong lĩnh vực đất đai và xây dựng kế hoạch đăng ký, cấp giấy chứng nhận, thực hiện các thủ tục hành chính trong lĩnh vực đất đai trình cấp thẩm quyền phê duyệt; phối hợp giải quyết các vướng mắc phát sinh có liên quan trong quá trình thực hiện các thủ tục hành chính lĩnh vực đất đai;

d) Chỉ đạo Phòng Tài nguyên và Môi trường và Ủy ban nhân dân cấp xã trong việc phối hợp với Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai để thực hiện công tác xác định vị trí đất ở theo hướng dẫn tại Công văn số 2425/STNMT-ĐKTK, ngày 29/9/2020 của Sở Tài nguyên và Môi trường về việc xác định vị trí đất ở đối với trường hợp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp không thể hiện vị trí đất ở trên sơ đồ thửa đất.

3. Trách nhiệm của Cục Thuế tỉnh:

a) Tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ do Văn phòng đăng ký đất đai chuyển đến. Xác định và ban hành Thông báo về nghĩa vụ tài chính của người sử dụng đất về lệ phí cấp giấy chứng nhận, lệ phí trước bạ, tiền sử dụng đất, tiền thuê đất, giao đất, thuế thu nhập từ việc chuyển quyền sử dụng đất, chuyển quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất, miễn giảm tiền sử dụng đất, tiền thuê đất khi cấp giấy chứng nhận hoặc khi xác nhận biến động về sử dụng đất, sở hữu tài sản gắn liền với đất;

b) Chủ trì, phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường, các Sở, ngành có liên quan hướng dẫn, giải quyết các vướng mắc liên quan đến việc xác định và thực hiện nghĩa vụ tài chính khi cấp giấy chứng nhận, đăng ký biến động về sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất.

4. Trách nhiệm của Sở Xây dựng, Phòng Quản lý đô thị, Phòng Kinh tế hạ tầng cấp huyện:

Sở Xây dựng có trách nhiệm khi nhận được phiếu lấy ý kiến của Văn phòng đăng ký đất đai hoặc Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai đối với trường hợp chủ sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất không có giấy tờ hoặc hiện trạng tài sản có thay đổi so với giấy tờ quy định tại các Điều 31, Điều 32 của Nghị định số 43/2014/NĐ-CP

ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ được sửa đổi bổ sung tại khoản 22 Điều 2 Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ, Sở Xây dựng, Phòng Quản lý đô thị, Phòng Kinh tế hạ tầng cấp huyện có trách nhiệm trả lời bằng văn bản gửi đến Văn phòng đăng ký đất đai hoặc Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai theo quy định.

5. Trách nhiệm của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn các huyện, thành phố:

Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn các huyện; Phòng Kinh tế thành phố khi nhận được phiếu lấy ý kiến của Văn phòng đăng ký đất đai hoặc Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai đối với trường hợp chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất không có giấy tờ hoặc hiện trạng tài sản có thay đổi so với giấy tờ quy định tại các Điều 33, Điều 34 của Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn các huyện, thành phố có trách nhiệm trả lời bằng văn bản gửi đến Văn phòng đăng ký đất đai hoặc Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai theo quy định.

6. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp xã:

a) Phối hợp với Văn phòng Đăng ký đất đai, Phòng Tài nguyên và Môi trường trong việc tổ chức thực hiện công tác đăng ký đất đai, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất, lập và quản lý hồ sơ địa trên địa bàn theo quy định của pháp luật.

Phối hợp với các đơn vị có chức năng tư vấn đo đạc, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, thực hiện việc xác định ranh giới, mốc giới thửa đất trên thực địa và ký xác nhận mục người dẫn đạc trong bản mô tả ranh giới, mốc giới thửa đất theo quy định;

b) Cử cán bộ tham gia kiểm tra, xác minh thực địa theo giấy mời của các đơn vị liên quan trong cùng hệ thống một cửa liên thông thực hiện thủ tục hành chính;

c) Xác nhận hiện trạng sử dụng đất so với nội dung kê khai đăng ký; trường hợp không có giấy tờ quy định tại Điều 100 của Luật Đất đai và Điều 18 của Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 05 năm 2014 của Chính phủ đã được sửa đổi, bổ sung tại khoản 17 Điều 2 Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 11 năm 2017 của Chính phủ thì xác nhận nguồn gốc và thời điểm sử dụng đất, tình trạng tranh chấp sử dụng đất, sự phù hợp với quy hoạch;

d) Thực hiện công tác cập nhật chỉnh lý biên động hồ sơ địa chính quản lý ở địa phương theo quy định;

đ) Trường hợp có sự chênh lệch diện tích giữa số liệu đo đạc thực tế với số liệu ghi trên giấy tờ về quyền sử dụng đất quy định tại Điều 100 của Luật Đất đai hoặc giấy chứng nhận đã cấp thì kiểm tra, xác nhận về sự thay đổi hoặc không thay đổi ranh giới thửa đất đang sử dụng so với thời điểm có giấy tờ về quyền sử dụng đất, xác nhận tình trạng tranh chấp;

e) Trường hợp đăng ký tài sản gắn liền với đất thì xác nhận hiện trạng tài sản gắn liền với đất so với nội dung kê khai đăng ký; trường hợp không có giấy tờ quy định tại các Điều 31, 32, 33 và 34 của Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ, quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; được sửa đổi tại Khoản 14, 15 Điều 1 Nghị định 148/2020/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai, thì xác nhận tình trạng tranh chấp quyền sở hữu tài sản; đối với nhà ở, công trình xây dựng thì xác nhận thời điểm tạo lập tài sản, thuộc hay không thuộc trường hợp phải cấp phép xây dựng, sự phù hợp với quy hoạch được duyệt.

Điều 33. Thống kê, kiểm kê đất đai

1. Sở Tài nguyên và Môi trường chỉ đạo Văn phòng Đăng ký đất đai cấp tỉnh tiếp nhận và kiểm tra kết quả thống kê, kiểm kê cấp huyện, tham mưu Sở Tài nguyên và Môi trường tổng hợp kết quả thống kê, kiểm kê cấp tỉnh; kiểm tra, xác nhận kết quả thống kê, kiểm kê cấp tỉnh, trình Ủy ban nhân dân tỉnh ký duyệt kết quả thống kê, kiểm kê cấp tỉnh báo cáo Bộ Tài nguyên và Môi trường.

2. Ủy ban nhân dân cấp huyện chỉ đạo Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức việc thống kê, kiểm kê cấp xã, chỉ đạo phòng Tài nguyên và Môi trường phối hợp với Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai cấp huyện kiểm tra kết quả thống kê, kiểm kê cấp xã, tham mưu Ủy ban nhân dân cấp huyện tổng hợp kết quả thống kê, kiểm kê cấp huyện; kiểm tra, xác nhận kết quả thống kê, kiểm kê cấp huyện, trình Sở Tài nguyên và Môi trường tổng hợp, báo cáo Bộ Tài nguyên và Môi trường.

Điều 34. Thanh tra, kiểm tra, giám sát, theo dõi, đánh giá việc chấp hành quy định của pháp luật về tài nguyên môi trường

1. Hàng năm, phối hợp với Thanh tra tỉnh, các phòng, đơn vị trực thuộc Sở và tình hình thực tiễn quản lý tài nguyên môi trường tại địa phương, xây dựng nội dung công tác thanh tra, kiểm tra của ngành tài nguyên và môi trường. Việc xây dựng kế hoạch thanh tra, kiểm tra phải được lồng ghép để đảm bảo không chồng chéo nhiều đoàn thanh tra trong một năm trên địa bàn cấp huyện, thành phố; kế hoạch kiểm tra có thể có nhiều đoàn trên địa bàn 01 huyện, thành phố nhưng phải được lồng ghép hoặc điều chỉnh để không chồng chéo nội dung, đối tượng, thời điểm thực hiện.

Hàng năm, Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm tổng hợp báo cáo về kết quả thực hiện công tác thanh tra, kiểm tra gửi Thanh tra tỉnh theo dõi, tổng hợp.

Hàng năm, trên cơ sở các vướng mắc, bất cập, mâu thuẫn, trùng chéo, khoảng trống của pháp luật và thực thi pháp luật được phát hiện trong quá trình thanh tra, kiểm tra, Thanh tra Sở Tài nguyên và Môi trường báo cáo Ban lãnh đạo Sở Tài nguyên và Môi trường để xin ý kiến Bộ Tài nguyên và Môi trường cho ý kiến xử lý và đề xuất sửa đổi, bổ sung đối với các văn bản thuộc thẩm quyền ban hành của hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh; đồng thời, Sở Tài nguyên và Môi trường phải báo cáo về tình hình theo dõi thi hành pháp luật trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường gửi Sở Tư pháp để theo dõi, tổng hợp.

2. Phòng Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm phối hợp chặt chẽ với các đơn vị trực thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường trong quá trình triển khai thực hiện kế hoạch thanh tra, kiểm tra; đồng thời, cung cấp thông tin chính xác, kịp thời về nội dung, đối tượng thanh tra, kiểm tra khi được yêu cầu; cử các cán bộ am hiểu pháp luật có liên quan đến nội dung thanh tra, kiểm tra tham gia các Đoàn thanh tra, kiểm tra của Sở Tài nguyên và Môi trường khi có yêu cầu.

3. Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã có trách nhiệm giám sát, theo dõi việc chấp hành pháp luật của các đối tượng được thanh tra, đối tượng bị xử phạt hành chính trên địa bàn; cử cán bộ tham gia các đoàn thanh tra theo yêu cầu.

Điều 35. Giải quyết tranh chấp về đất đai; giải quyết khiếu nại, tố cáo trong quản lý và sử dụng đất đai

Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm cung cấp đầy đủ hồ sơ giải quyết tranh chấp, khiếu nại, tố cáo lần đầu cho Sở Tài nguyên và Môi trường khi có quyết định giao cho Sở xác minh lần 2; Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã có trách nhiệm xác định chính xác vị trí đất tranh chấp, khiếu nại, tố cáo theo đơn; cùng tham gia giải quyết khiếu nại, tố cáo và tranh chấp đất đai phát sinh trên địa bàn.

Điều 36. Giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất đối với trường hợp đối tượng sử dụng đất là tổ chức

Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường trong quá trình thẩm định hồ sơ, kiểm tra thực địa; chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tổ chức bàn giao đất thực địa cho các tổ chức sử dụng đất theo quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh.

CHƯƠNG VII

PHỐI HỢP TRONG LĨNH VỰC QUẢN LÝ ĐẤT NGẬP NƯỚC

Điều 37. Sở Tài nguyên và Môi trường

1. Là cơ quan đầu mối giúp Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện thống nhất quản lý nhà nước về bảo tồn và sử dụng bền vững các vùng đất ngập nước trên phạm vi toàn tỉnh; hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện các quy định tại Nghị định số 66/2019/NĐ-CP ngày 22 tháng 7 năm 2019 của Chính phủ quy định về bảo tồn và sử dụng bền vững các vùng đất ngập nước;

2. Chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thực hiện quản lý các khu bảo tồn đất ngập nước cấp quốc gia có diện tích nằm trên địa bàn tỉnh.

3. Hướng dẫn: Thống kê, kiểm kê và phân loại đất ngập nước trên địa bàn toàn tỉnh; quan trắc các vùng đất ngập nước quan trọng; xây dựng báo cáo về các vùng đất ngập nước; tổ chức Hội đồng thẩm định hồ sơ dự án thành lập khu bảo tồn; tổ chức quản lý khu bảo tồn đất ngập nước hoặc vùng đất ngập nước quan trọng nằm ngoài khu bảo tồn.

4. Tuyên truyền, phổ biến nội dung và tổ chức các hoạt động kỷ niệm Ngày Đất ngập nước thế giới ngày 02 tháng 2 hàng năm tại địa phương theo hướng dẫn của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

Điều 38. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

1. **Phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường: Quản lý các hoạt động bảo tồn và sử dụng các vùng đất ngập nước quan trọng đối với địa phương; kiểm kê các vùng đất ngập nước có diện tích nằm trên địa bàn tỉnh.**

2. Cung cấp thông tin, số liệu điều tra cơ bản, kết quả nghiên cứu khoa học liên quan đến các vùng đất ngập nước thuộc phạm vi quản lý của Sở theo yêu cầu của Sở Tài nguyên và Môi trường.

3. **Phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường: Hướng dẫn các vườn quốc gia, khu dự trữ thiên nhiên, khu bảo tồn loài - sinh cảnh và khu bảo vệ cảnh quan có diện tích đất ngập nước chiếm từ 50% diện tích khu bảo tồn trở lên được xem xét chuyển đổi thành khu bảo tồn đất ngập nước và được hưởng chính sách đầu tư về bảo tồn, sử dụng bền vững các vùng đất ngập nước theo quy định của pháp luật.**

Điều 39. Sở Tài chính

Hướng dẫn quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí chi cho hoạt động quản lý, bảo tồn và sử dụng bền vững các vùng đất ngập nước quan trọng. Ưu tiên ngân sách chi thường xuyên từ nguồn sự nghiệp môi trường cho các hoạt động, nhiệm vụ về bảo tồn và sử dụng bền vững các vùng đất ngập nước và bố trí nguồn ngân sách nhà nước hỗ trợ đầu tư cho các hoạt động sau đây:

1. Đầu tư xây dựng, nâng cấp, cải tạo cơ sở vật chất kỹ thuật quản lý và bảo tồn, sử dụng bền vững vùng đất ngập nước.

2. Đầu tư xây dựng phát triển vùng đệm phục vụ bảo tồn và sử dụng bền vững các vùng đất ngập nước trong khu bảo tồn đất ngập nước; các mô hình sinh kế bền vững tại vùng đệm khu bảo tồn đất ngập nước và mô hình bảo tồn và sử dụng bền vững vùng đất ngập nước quan trọng.

3. Các hạng mục đầu tư khác liên quan đến quản lý và bảo tồn, sử dụng bền vững vùng đất ngập nước theo quy định của pháp luật.

Điều 40. Sở Kế hoạch và Đầu tư

1. Kêu gọi vốn đầu tư cho các nhiệm vụ, dự án được sử dụng vốn đầu tư công để quản lý, phát triển các vùng đất ngập nước quan trọng theo đúng quy định của pháp luật hiện hành.

2. **Tham mưu, xây dựng cơ chế khuyến khích đầu tư cho bảo tồn và sử dụng bền vững các vùng đất ngập nước quan trọng đối với địa phương.**

3. Ưu tiên hỗ trợ, đầu tư cho các hoạt động bảo tồn và sử dụng bền vững các vùng đất ngập nước quy định tại Điều 5 Nghị định số 66/2019/NĐ-CP, ngày 29 tháng 7 năm 2019 của Chính phủ quy định về bảo tồn và sử dụng bền vững các vùng đất ngập nước.

4. Hỗ trợ, đầu tư cho các hoạt động bảo tồn và sử dụng bền vững các vùng đất ngập nước trong khu bảo tồn đất ngập nước, vùng đất ngập nước quan trọng nằm ngoài khu bảo tồn và vùng đệm của khu bảo tồn đất ngập nước.

5. Kêu gọi, huy động, sử dụng nguồn vốn hỗ trợ phát triển chính thức và các hỗ trợ tài chính thông qua các chương trình, dự án song phương, đa phương, các tổ chức quốc tế về xây dựng các mô hình quản lý, bảo tồn và sử dụng bền vững vùng đất ngập nước trên địa bàn tỉnh theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 41. Sở Khoa học và Công nghệ

1. Đề xuất các đề tài, đề án nghiên cứu, đánh giá, đề xuất thành lập khu bảo tồn đất ngập nước trên địa bàn tỉnh; ưu tiên bố trí nguồn kinh phí thường xuyên về khoa học công nghệ cho các hoạt động bảo vệ, bảo tồn đa dạng sinh học vùng đất ngập nước.

2. Thúc đẩy các hoạt động khoa học và hợp tác quốc tế: Xây dựng và tiến hành các đề tài nghiên cứu khoa học, thúc đẩy các hoạt động quốc tế để hỗ trợ cho công tác quản lý, bảo tồn đa dạng sinh học trong khu bảo tồn đất ngập nước.

3. Cung cấp thông tin, số liệu điều tra cơ bản, kết quả nghiên cứu khoa học liên quan đến các vùng đất ngập nước thuộc phạm vi quản lý của Sở theo yêu cầu của Sở Tài nguyên và Môi trường.

Điều 42. Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch

1. Quản lý Bảo tồn và phát huy các giá trị cảnh quan, di tích lịch sử - văn hóa trong khu bảo tồn đất ngập nước.

2. **Tổ chức các du lịch nhằm quảng bá, nâng cao nhận thức của cộng đồng dân cư trong bảo tồn giá trị của các vùng đất ngập nước của địa phương.**

Điều 43. Vườn quốc gia, Khu bảo tồn thiên nhiên

1. Tổ chức các biện pháp thu hút cộng đồng dân cư vùng đệm tham gia quản lý khu bảo tồn, sử dụng bền vững tài nguyên thiên nhiên trong vùng đệm.

2. Phối hợp với chính quyền địa phương, các cơ quan chuyên ngành có liên quan trong giải quyết, xử lý các vấn đề liên quan đến vùng đệm.

3. Chủ trì hoặc phối hợp với các bên liên quan triển khai các dự án đầu tư vùng đệm, giảm áp lực đến đa dạng sinh học khu bảo tồn đất ngập nước được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Điều 44. Ủy ban nhân dân cấp huyện

Đối với Ủy ban nhân dân cấp huyện nơi có diện tích đất ngập nước, đang quản lý thực hiện:

1. Tuyên truyền, vận động nhân dân trong địa bàn vùng đệm tuân thủ các quy định của pháp luật về bảo tồn và sử dụng bền vững các vùng đất ngập nước; thực hiện các biện pháp ngăn chặn sự xâm hại đến khu bảo tồn đất ngập nước.

2. Quản lý, sử dụng bền vững tài nguyên thiên nhiên, bảo vệ môi trường, đa dạng sinh học vùng đệm theo quy định của pháp luật.

3. Phối hợp với tổ chức quản lý khu bảo tồn, cơ quan quản lý khu bảo tồn hoặc các bên có liên quan trong việc giải quyết các vấn đề liên quan đến khu bảo tồn trong phạm vi quyền hạn theo quy định của pháp luật.

4. Thống kê, kiểm kê và phân loại đất ngập nước trên phạm vi quản lý; quan trắc các vùng đất ngập nước nằm ngoài khu bảo tồn; xây dựng báo cáo về các vùng đất ngập nước.

CHƯƠNG VIII

PHỐI HỢP QUẢN LÝ VỀ KHÍ TƯỢNG THỦY VĂN VÀ BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU

Điều 45. Trách nhiệm, quyền hạn của các cơ quan, đơn vị

1. Sở Tài nguyên và Môi trường

a) Chủ trì, phối hợp với các Sở, ban, ngành, địa phương có liên quan tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành theo thẩm quyền và tổ chức thực hiện văn bản quy phạm pháp luật về quản lý hoạt động khí tượng thủy văn và thích ứng với biến đổi khí hậu; các biện pháp bảo vệ tài nguyên khí hậu, thủy văn trên địa bàn; quy hoạch phát triển, chương trình kế hoạch về khí tượng thủy văn, kế hoạch hành động thích ứng với biến đổi khí hậu, giám sát biến đổi khí hậu.

b) Tổ chức thẩm định, thẩm tra, đánh giá việc khai thác, sử dụng thông tin, dữ liệu khí tượng thủy văn trong các chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, chương trình, dự án phát triển kinh tế - xã hội; việc lồng ghép kết quả giám sát biến đổi khí hậu trong các chiến lược, quy hoạch, kế hoạch trên địa bàn tỉnh.

Là cơ quan tiếp nhận hồ sơ và tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh cấp, gia hạn, điều chỉnh, thu hồi giấy phép hoạt động dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh; giấy phép hoạt động của công trình khí tượng thủy văn chuyên dùng ở địa phương thuộc thẩm quyền của tỉnh.

c) Phối hợp với Đài Khí tượng thủy văn tỉnh quản lý các hoạt động quan trắc, dự báo, cảnh báo, thông tin, dữ liệu và hoạt động cung cấp dịch vụ khí tượng thủy văn trên địa bàn tỉnh; tổ chức tuyên truyền, phổ biến văn bản quy phạm pháp luật về khí tượng thủy văn và biến đổi khí hậu, phòng chống và giảm nhẹ tác động của thiên tai đến các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp và cộng đồng dân cư trên địa bàn tỉnh.

d) Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh về chiến lược, mục tiêu, chương trình, đề án, dự án khí tượng thủy văn và biến đổi khí hậu tổ chức thực hiện nhiệm vụ thuộc phạm vi Sở Tài nguyên và Môi trường trong các chiến lược, chương trình, kế hoạch của tỉnh về khí tượng thủy văn và biến đổi khí hậu; tổ chức kiểm tra việc thực hiện các mục tiêu trong các chương trình, kế hoạch, đề án, dự án về khí tượng thủy văn và biến đổi khí hậu trên địa bàn tỉnh.

đ) Chủ trì, phối hợp với Đài Khí tượng thủy văn tỉnh và các Sở ban, ngành, địa phương có liên quan xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu khí tượng thủy văn và giám sát biến đổi khí hậu; thu nhập, xử lý thông tin tổng hợp tình hình khí tượng thủy văn, đánh giá diễn biến, tác động của biến đổi khí hậu đến yếu tố tự nhiên, con người, kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh; tổng hợp báo cáo định kỳ và thực hiện các nhiệm vụ khác có liên quan theo quy định của Bộ Tài nguyên và Môi trường và Ủy ban nhân dân tỉnh.

e) Chủ trì, phối hợp với các Sở, ban, ngành, đơn vị có liên quan thực hiện công tác thanh, kiểm tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo về khí tượng thủy văn, xử lý theo thẩm quyền các vi phạm về hành lang kỹ thuật công trình khí tượng thủy văn và các hành vi vi phạm pháp luật khác về khí tượng thủy văn trên địa bàn theo quy định pháp luật.

g) Phối hợp với các đơn vị liên quan nghiên cứu, ứng dụng, tiếp nhận và chuyển giao các tiến bộ khoa học công nghệ, thông tin, dữ liệu, quản lý khí tượng thủy văn và biến đổi khí hậu theo quy định của pháp luật; tham gia hợp tác quốc tế về khí tượng thủy văn và biến đổi khí hậu trên địa bàn quản lý.

2. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

a) Phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường, Đài Khí tượng thủy văn tỉnh cập nhật và tổng hợp các thông tin, số liệu về tác động của biến đổi khí hậu ảnh hưởng đến sản xuất nông, lâm nghiệp và nuôi trồng thủy sản trên cơ sở đó báo cáo đề xuất với Ủy ban nhân dân tỉnh các biện pháp ứng phó, khắc phục;

b) Thường xuyên tiếp nhận các dự báo, cảnh báo do Đài Khí tượng thủy văn tỉnh cung cấp; xử lý thông tin theo chức năng để chỉ đạo kịp thời sản xuất nông, lâm nghiệp, nuôi trồng thủy sản;

c) Cung cấp, hướng dẫn cơ quan, tổ chức cá nhân hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn khai thác thông tin, dữ liệu khí tượng thủy văn, tin dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn, kịch bản biến đổi khí hậu trong phòng, chống thiên tai, xây dựng và phát triển nông nghiệp, nông thôn;

d) Chỉ đạo Văn phòng thường trực Ban Chỉ huy Phòng chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn tỉnh tiếp nhận, xử lý thông tin dự báo, cảnh báo thiên tai;

đ) Cung cấp và thường xuyên cập nhật danh sách các chủ công trình hồ chứa thủy lợi gửi về Sở Tài nguyên và Môi trường; phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường trong việc đôn đốc các đối tượng phải tổ chức quan trắc khí tượng thủy văn tự động và cung cấp thông tin, dữ liệu khí tượng thủy văn theo quy định;

e) Phối hợp thẩm định, thẩm tra, đánh giá việc khai thác, sử dụng thông tin, dữ liệu khí tượng thủy văn trong các chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, chương trình, dự án phát triển kinh tế - xã hội có liên quan đến lĩnh vực phòng chống thiên tai, nông nghiệp và phát triển nông thôn; Thực hiện lồng ghép kết quả giám sát biến đổi khí hậu trong các chiến lược, chương trình, kế hoạch phòng chống thiên tai và phát triển ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn.

3. Sở Kế hoạch và Đầu tư

Chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính trong việc cân đối, bố trí ngân sách tỉnh cho các dự án được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt sử dụng nguồn vốn đầu tư công do ngân sách Trung ương hỗ trợ và ngân sách địa phương liên quan đến nhiệm vụ ứng phó với biến đổi khí hậu và khí tượng thủy văn trên địa bàn tỉnh.

Thực hiện lồng ghép kết quả giám sát biến đổi khí hậu trong các chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội.

4. Sở Tài chính

Căn cứ vào dự toán do Sở Tài nguyên và Môi trường tổng hợp và khả năng cân đối ngân sách tỉnh hàng năm tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh bố trí kinh phí ngân sách thực hiện các nhiệm vụ chuyên môn thuộc lĩnh vực khí tượng thủy văn và biến đổi khí hậu.

5. Sở Khoa học và Công nghệ

a) Tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ về hoạt động khí tượng thủy văn trên cơ sở đề xuất đặt hàng của Sở Tài nguyên và Môi trường và các cơ quan, đơn vị có liên quan;

b) Tham gia góp ý vào các dự án, đề án ứng dụng các thành tựu khoa học công nghệ tiên tiến về lĩnh vực khí tượng thủy văn và biến đổi khí hậu vào sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội, phòng, chống giảm nhẹ thiệt hại do thiên tai gây ra trên địa bàn tỉnh.

6. Sở Thông tin và Truyền thông

a) Chủ trì, phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường chỉ đạo đăng tải thông tin, dữ liệu khí tượng thủy văn, giám sát biến đổi khí hậu trên các phương tiện thông tin đại chúng theo quy định của pháp luật;

b) Chỉ đạo các cơ quan báo chí, Đài Phát thanh, truyền hình và hệ thống phát thanh trên địa bàn tỉnh thông tin, tuyên truyền về phòng, chống giảm nhẹ thiên tai, an toàn cứu nạn, cứu hộ và các thông tin khẩn cấp khác trên địa bàn tỉnh theo quy định của pháp luật.

7. Sở Tư pháp

Phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường tuyên truyền, phổ biến Luật Khí tượng thủy văn và các văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến lĩnh vực khí tượng thủy văn và biến đổi khí hậu.

8. Sở Xây dựng

a) Chủ trì, phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường tổ chức tuyên truyền, phổ biến, hướng dẫn cơ quan, tổ chức, cá nhân hoạt động trong ngành xây dựng để khai thác, sử dụng thông tin, dữ liệu khí tượng thủy văn, tin dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn, kịch bản biến đổi khí hậu và Thỏa thuận Paris về biến đổi khí hậu trong quy hoạch, xây dựng đô thị, khu công nghiệp, khu dân cư tập trung; ban hành quy chuẩn kỹ thuật về xây dựng phù hợp với điều kiện khí tượng thủy văn và biến đổi khí hậu trên địa bàn tỉnh;

b) Đề xuất xây dựng nhiệm vụ ứng phó với biến đổi khí hậu trong lĩnh vực xây dựng đưa vào Kế hoạch hành động ứng phó với biến đổi khí hậu của tỉnh.

Chủ trì xem xét, thẩm định, điều hành, triển khai các chương trình, kế hoạch, dự án, đề án liên quan đến biến đổi khí hậu thuộc lĩnh vực xây dựng.

9. Sở Công Thương

a) Chủ trì, phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường và các đơn vị liên quan lồng ghép việc tuyên truyền, phổ biến, hướng dẫn cơ quan tổ chức, cá nhân hoạt động trong ngành công thương về biến đổi khí hậu thuộc phạm vi quản lý;

b) Đề xuất xây dựng nhiệm vụ ứng phó với biến đổi khí hậu trong lĩnh vực công nghiệp và năng lượng đưa vào Kế hoạch hành động ứng phó với biến đổi khí hậu của tỉnh.

10. Sở Giao thông Vận tải

a) Phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường tổ chức hướng dẫn cơ quan, tổ chức, cá nhân hoạt động trong lĩnh vực giao thông vận tải khai thác, cung cấp thông tin, dữ liệu khí tượng thủy văn, tin dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn, kịch bản biến đổi khí hậu;

b) Tuyên truyền cho các tổ chức, cá nhân hoạt động đường thủy về việc bảo vệ các công trình khí tượng thủy văn. Phối hợp với cơ quan có liên quan trong việc bảo vệ hành lang an toàn kỹ thuật công trình khí tượng thủy văn trên địa bàn tỉnh;

c) Triển khai thực hiện Kế hoạch hành động ứng phó với biến đổi khí hậu của tỉnh trong lĩnh vực giao thông vận tải;

d) Chủ trì xem xét, thẩm định, điều hành, triển khai các chương trình, kế hoạch, dự án, đề án liên quan đến biến đổi khí hậu thuộc lĩnh vực giao thông vận tải theo quy định.

11. Sở Giáo dục và Đào tạo

Chủ trì, phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường tuyên truyền, phổ biến, chỉ đạo, hướng dẫn các cơ sở giáo dục, đào tạo trong việc xây dựng, triển khai các chương trình, tài liệu giáo dục, đào tạo về vai trò, hoạt động khí tượng thủy văn, đồng thời tuyên truyền về nguyên nhân, biểu hiện và cách thích nghi ứng phó biến đổi khí hậu.

12. Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh

a) Chủ trì thực hiện quản lý nhà nước về ký kết và về thực hiện các thỏa thuận quốc tế về khí tượng thủy văn và biến đổi khí hậu trên địa bàn tỉnh;

b) Đẩy mạnh, xúc tiến nguồn lực từ các địa phương nước ngoài, tổ chức quốc tế triển khai chương trình, dự án hợp tác quốc tế về khí tượng thủy văn và biến đổi khí hậu. Là đầu mối theo dõi, đôn đốc việc thực hiện các chương trình, dự án hợp tác quốc tế, thực hiện tổ chức quản lý hội nghị hội thảo quốc tế theo thẩm quyền được giao trong đó có hội nghị hội thảo quốc tế về khí tượng thủy văn và biến đổi khí hậu trên địa bàn tỉnh;

13. Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh

a) Phối hợp với Thường trực Ban Chỉ huy Phòng, chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn tỉnh nắm bắt diễn biến thời tiết, thiên tai để có phương án chuẩn bị lực lượng và sẵn sàng ứng phó, khắc phục khi có sự cố thiên tai xảy ra trên đất liền thuộc địa bàn tỉnh;

b) Thực hiện việc trao đổi thông tin, dữ liệu khí tượng thủy văn giữa mạng lưới trạm khí tượng thủy văn quốc gia trên địa bàn tỉnh; phối hợp quản lý, giám sát hoạt động tác động vào thời tiết.

14. Công an tỉnh

a) Chủ động nắm bắt diễn biến thời tiết, thiên tai để có phương án chuẩn bị lực lượng và sẵn sàng ứng phó, khắc phục khi có sự cố thiên tai xảy ra trên địa bàn tỉnh;

b) Phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường trao đổi thông tin, dữ liệu khí tượng thủy văn giữa mạng lưới trạm khí tượng thủy văn chuyên dùng phục vụ an ninh quốc gia với mạng lưới trạm khí tượng thủy văn quốc gia trên địa bàn tỉnh; phối hợp quản lý, giám sát hoạt động tác động vào thời tiết;

c) Phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường kiểm tra, xử lý các hành vi vi phạm trong lĩnh vực khí tượng thủy văn.

15. Bộ Chỉ huy Bộ đội biên phòng tỉnh

a) **Phối hợp với Thường trực Ban Chỉ huy Phòng, chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn tỉnh nắm bắt diễn biến thời tiết, thiên tai để có phương án kiểm đếm phương tiện, chuẩn bị lực lượng, phương tiện và sẵn sàng ứng phó, khắc phục khi có sự cố thiên tai xảy ra;**

b) Thực hiện việc trao đổi thông tin, dữ liệu khí tượng thủy văn giữa mạng lưới trạm khí tượng thủy văn quốc gia trên địa bàn tỉnh; phối hợp quản lý, giám sát hoạt động tác động vào thời tiết.

16. Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh, Báo Đắk Nông

Phối hợp với Đài Khí tượng thủy văn tỉnh, Thường trực Ban Chỉ huy Phòng, chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn tỉnh cập nhật, truyền phát các dự báo, cảnh báo thiên tai, biện pháp phòng, tránh, ứng phó, khắc phục theo quy định.

17. Đài Khí tượng thủy văn tỉnh - Cơ quan trực thuộc Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh

a) Theo chức năng nhiệm vụ của mình, phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường, các Sở, ban, ngành, địa phương có liên quan cập nhật dữ liệu, khí tượng thủy văn, ứng dụng khoa học công nghệ thông tin - trong lĩnh vực khí tượng thủy văn và biến đổi khí hậu theo quy định của pháp luật;

b) Tiếp nhận số liệu từ các đơn vị quản lý trạm khí tượng thủy văn chuyên dùng trên địa bàn tỉnh Đắk Nông; tổng hợp truyền, phát thông tin khí tượng thủy văn chuyên dùng về Sở Tài nguyên và Môi trường, Ban Chỉ huy Phòng chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn tỉnh;

c) Phối hợp Sở Tài nguyên và Môi trường, Ủy ban nhân dân cấp huyện xây dựng cơ sở dữ liệu khí tượng thủy văn, phương án cắm mốc giới, xác định hành lang kỹ thuật công trình khí tượng thủy văn thuộc mạng lưới trạm khí tượng thủy văn quốc gia; ngăn chặn các hành vi bị nghiêm cấm quy định tại Điều 8 Luật Khí tượng thủy văn.

18. Ủy ban nhân dân cấp huyện

a) Thực hiện sự chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh và hướng dẫn của Ban Chỉ huy Phòng chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn, Sở Tài nguyên và Môi trường về các nhiệm vụ phòng, chống lụt bão, giảm nhẹ thiên tai, tìm kiếm cứu nạn trên địa bàn quản lý;

b) Theo dõi chặt chẽ các bản tin dự báo thời tiết trên các phương tiện thông tin đại chúng để chỉ đạo các hoạt động sản xuất và đời sống của dân cư trên địa bàn quản lý. Khi có thông báo, cảnh báo xuất hiện hiện tượng thời tiết thủy văn cực đoan thì chủ động khẩn trương chỉ đạo, huy động lực lượng phòng, chống, khắc phục hậu quả thiên tai;

c) Phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường thực hiện công tác thanh, kiểm tra việc thực thi pháp luật, xử lý các vi phạm pháp luật về khí tượng thủy văn theo quy định của pháp luật; có trách nhiệm tham gia bảo vệ công trình khí tượng thủy văn trên địa bàn; tham gia giải quyết khiếu nại, tố cáo về khai thác, bảo vệ công trình khí tượng thủy văn trên địa bàn theo thẩm quyền;

d) Tổ chức thực hiện việc tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật, thông tin về khí tượng thủy văn và biến đổi khí hậu tại địa phương;

đ) Tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh tình hình hoạt động khí tượng thủy văn và biến đổi khí hậu, thiệt hại do thiên tai khí tượng thủy văn gây ra trên địa bàn;

e) Tổ chức thực hiện việc lồng ghép nội dung thích ứng với biến đổi khí hậu vào quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

19. Ủy ban nhân dân cấp xã

a) Tham gia bảo vệ công trình khí tượng thủy văn trên địa bàn;

b) Phổ biến, giáo dục pháp luật và tuyên truyền về khí tượng thủy văn và biến đổi khí hậu; tham gia giải quyết, xử lý vi phạm về khí tượng thủy văn theo thẩm quyền;

c) Tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân cấp huyện tình hình hoạt động khí tượng thủy văn và biến đổi khí hậu, thiệt hại do thiên tai khí tượng thủy văn gây ra trên địa bàn;

d) Tham gia giải quyết khiếu nại, tố cáo về khai thác, bảo vệ công trình khí tượng thủy văn trên địa bàn;

đ) Thực hiện các nhiệm vụ quản lý nhà nước về hoạt động khí tượng thủy văn theo phân cấp hoặc ủy quyền của cơ quan quản lý nhà nước cấp trên.

20. Các Sở, ban, ngành, tổ chức, cá nhân khác

Các Sở, ban, ngành, các tổ chức, cá nhân có liên quan theo chức năng, nhiệm vụ của mình có trách nhiệm phối hợp khi có chỉ đạo của cơ quan có thẩm quyền và khi có thiên tai xảy ra.

CHƯƠNG IX

PHỐI HỢP TRONG VIỆC QUẢN LÝ CHẤT THẢI RẮN

Điều 46. Sở Tài nguyên và Môi trường

Chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân tỉnh trong việc thống nhất, đầu mối quản lý nhà nước đối với chất thải rắn trên địa bàn tỉnh, trong đó bao gồm: Chất thải rắn sinh hoạt (viết tắt là CTRSH), chất thải rắn công nghiệp thông thường (viết tắt là CTRCNTT), chất thải rắn xây dựng và bùn thải (viết tắt là CTRXD và BT), ngoại trừ các Khu Công Nghiệp, Cụm Công Nghiệp; được Ủy ban nhân dân tỉnh phân công quản lý như sau:

1. Về quản lý CTRSH

a) Tổ chức xác nhận hoặc điều chỉnh xác nhận đảm bảo yêu cầu bảo vệ môi trường đối với cơ sở xử lý thuộc thẩm quyền phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường và cơ sở chỉ tiếp nhận xử lý trên địa bàn tỉnh; hướng dẫn thực hiện các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia liên quan đến xử lý CTRSH;

b) Tổ chức thanh tra, kiểm tra hoạt động quản lý chất thải, bao gồm các nội dung thanh tra, kiểm tra về trách nhiệm quản lý nhà nước về quản lý chất thải rắn sinh hoạt của các địa phương; về bảo vệ môi trường đối với hoạt động trung chuyển, vận chuyển và xử lý; giám sát việc thực hiện các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia liên quan đến xử lý CTRSH;

c) Định kỳ hàng năm báo cáo Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ Xây dựng về tình hình quản lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn tỉnh;

d) Chủ trì và phối hợp với Sở Xây dựng tổ chức, xây dựng cơ sở dữ liệu về CTRSH, quản lý, khai thác, trao đổi, cung cấp thông tin có liên quan đến quản lý CTRSH trên địa bàn tỉnh;

đ) Chủ trì, phối hợp với Sở Xây dựng hướng dẫn trình tự, thủ tục, nội dung cải tạo, phục hồi môi trường của bãi chôn lấp và quy trình đóng bãi chôn lấp sau khi kết thúc hoạt động;

e) **Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành các quy định cụ thể về quản lý chất thải rắn sinh hoạt, chính sách hỗ trợ công tác quản lý CTRSH phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của địa phương;**

g) Hướng dẫn kỹ thuật, quy trình quản lý trong việc phân loại, lưu giữ, tập kết, trung chuyển, vận chuyển, sơ chế, tái sử dụng, tái chế, đồng xử lý, xử lý và thu hồi năng lượng từ CTRSH;

h) Tổ chức thực hiện các nội dung về quản lý CTRSH phục vụ công tác lập và triển khai quy hoạch bảo vệ môi trường theo quy định tại Điều 98 Luật Bảo vệ môi trường;

i) Tổ chức triển khai các hoạt động tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức cộng đồng về bảo vệ môi trường nói chung và quản lý CTRSH nói riêng;

k) Xây dựng, khuyến cáo về mô hình công nghệ xử lý chất thải phù hợp, theo hướng giảm thiểu lượng chất thải chôn lấp, tăng cường tỷ lệ tái chế, tái sử dụng, thu năng lượng từ chất thải phù hợp với điều kiện địa phương;

1) **Phối hợp với các địa phương triển khai thí điểm các mô hình công nghệ, mô hình quản lý, xử lý CTRSH; Tiến hành rà soát, cập nhật đồng bộ với hệ thống quản lý, xử lý CTRSH của các tỉnh/thành phố trên cả nước.**

2. Về quản lý CTRCNTT

a) Tổ chức quản lý, kiểm tra các hoạt động, các hồ sơ, hợp đồng, báo cáo liên quan đến các chủ xử lý đã được cơ quan có thẩm quyền xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường theo quy định;

b) Tổ chức thanh tra, kiểm tra về môi trường đối với hoạt động phát sinh, thu gom, trung chuyển, vận chuyển và xử lý;

c) Tổ chức xác nhận hoặc điều chỉnh xác nhận bảo đảm yêu cầu bảo vệ môi trường đối với cơ sở xử lý CTRCNTT thuộc thẩm quyền phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường và cơ sở chỉ tiếp nhận xử lý CTRCNTT trên địa bàn tỉnh;

d) Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện chức năng quản lý nhà nước về CTRCNTT trên địa bàn tỉnh và ban hành quy định về: yêu cầu kỹ thuật, quy trình quản lý trong việc phân loại, lưu giữ, trung chuyển, vận chuyển, sơ chế, tái sử dụng, tái chế, đồng xử lý, xử lý và thu hồi năng lượng từ CTRCNTT; yêu cầu kỹ thuật, quy trình quản lý liên quan đến các yêu cầu bảo vệ môi trường đối với cơ sở xử lý CTRCNTT và việc thực hiện trách nhiệm trong giai đoạn hoạt động của chủ nguồn thải, chủ xử lý CTRCNTT; Trình tự, thủ tục xác nhận, điều chỉnh xác nhận bảo đảm yêu cầu bảo vệ môi trường đối với cơ sở xử lý CTRCNTT; yêu cầu kỹ thuật, quy trình quản lý đối với trường hợp không yêu cầu xác nhận bảo đảm yêu cầu bảo vệ môi trường theo quy định tại khoản 11 Điều 32 Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24 tháng 4 năm 2015 của Chính phủ về quản lý chất thải và phế liệu và các trường hợp khác phát sinh trên thực tế;

đ) **Cung cấp số liệu cập nhật cơ sở dữ liệu quốc gia về CTRCNTT; tăng cường sử dụng hệ thống thông tin hoặc thư điện tử để thông báo, hướng dẫn, trao đổi với tổ chức, cá nhân trong quá trình xác nhận bảo đảm yêu cầu bảo vệ môi trường đối với cơ sở xử lý;**

e) **Tổ chức thực hiện các nội dung về quản lý CTRCNTT phục vụ công tác lập và triển khai quy hoạch bảo vệ môi trường theo quy định;**

g) Hàng năm thống kê, cập nhật về tình hình phát sinh, quản lý CTRCNTT tại địa phương, báo cáo Bộ Tài nguyên và Môi trường để tổng hợp, theo dõi; thời hạn của báo cáo trước ngày 31 tháng 3 của năm tiếp theo.

3. Về quản lý CTRXD và BT

a) Hướng dẫn việc quản lý bùn nạo vét từ sông, hồ và các vùng nước khác trên địa bàn tỉnh;

b) Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành các văn bản thuộc thẩm quyền có liên quan đến quản lý CTRXD phù hợp với quy định của Luật Bảo vệ môi trường và các quy định về quản lý CTRXD;

c) Chủ trì, phối hợp với Phòng Cảnh sát Môi trường - Công an tỉnh và các cơ quan có liên quan tổ chức thanh tra, kiểm tra, giám sát và xử lý vi phạm pháp luật trong quản lý CTRXD.

Điều 47. Sở Xây dựng

Chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân tỉnh về quản lý nhà nước đối với chất thải rắn thông thường tại đô thị trong việc thực hiện quy hoạch, quản lý xây dựng cơ sở xử lý chất thải rắn gồm CTRSH, CTCRNTT, CTRXD và BT trên địa bàn tỉnh; được Ủy ban nhân dân tỉnh phân công quản lý như sau:

1. Về quản lý CTRSH

a) Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành đề tham mưu xây dựng hoặc điều chỉnh quy hoạch chất thải rắn và trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt; tổ chức công bố quy hoạch chất thải rắn; kiểm tra, giám sát việc xây dựng các bãi chôn lấp hợp vệ sinh và trạm trung chuyển theo đúng quy chuẩn kỹ thuật quy định;

b) Hướng dẫn quản lý đầu tư xây dựng cơ sở xử lý theo quy hoạch được phê duyệt; phương pháp lập, quản lý chi phí và phương pháp định giá dịch vụ xử lý;

c) Hướng dẫn thực hiện định mức kinh tế, kỹ thuật về thu gom, vận chuyển và xử lý; suất vốn đầu tư xây dựng cơ sở xử lý;

d) Phối hợp với Sở Tài nguyên Môi trường xây dựng cơ sở dữ liệu về CTRSH, quản lý, khai thác, trao đổi, cung cấp thông tin có liên quan đến quản lý;

đ) Chủ trì tổ chức lập phương án giá dịch vụ xử lý CTRSH gửi Sở Tài chính chủ trì tổ chức thẩm định trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt đối với cơ sở xử lý CTRSH được đầu tư từ ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh.

2. Về quản lý CTRXD và BT

a) Chủ trì, phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết về việc phân loại, thu gom, tái sử dụng, tái chế và xử lý chất thải rắn xây dựng và bùn thải;

b) Hướng dẫn việc quản lý BT từ bể tự hoại (còn gọi là bể phốt, hầm cầu), BT từ hệ thống thoát nước đô thị;

c) Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện quản lý đầu tư xây dựng các cơ sở xử lý CTRXD theo quy hoạch trên địa bàn tỉnh;

d) **Thực hiện các nội dung khác theo quy định tại Điều 16 Thông tư số 08/2017/TT-BXD ngày 16 tháng 5 năm 2017 của Bộ Xây dựng quy định về quản lý CTRXD.**

Điều 48. Sở Khoa học và Công nghệ

Chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân tỉnh về quản lý nhà nước về công nghệ xử lý đối với chất thải rắn CTRSH, CTCRNTT, CTRXD và BT trên địa bàn tỉnh; được Ủy ban nhân dân tỉnh phân công quản lý như sau:

1. Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan tổ chức thẩm định công nghệ xử lý chất thải rắn theo các quy định của pháp luật .

2. Chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan nghiên cứu và áp dụng các loại hình công nghệ mới trong việc xử lý chất thải rắn và phù hợp với tình hình, điều kiện kinh tế - xã hội của địa phương để tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh.

3. Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan tổ chức thẩm định các phương án tái chế xử lý chất thải của các cơ sở sản xuất kinh doanh trên địa bàn tỉnh.

Điều 49. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

Chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân tỉnh về quản lý nhà nước về CTRSH, CTCNTT, CTRXD và BT phát sinh ở khu vực nông thôn, các công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn trên địa bàn tỉnh, ngoại trừ các khu công nghiệp, khu kinh tế; được Ủy ban nhân dân tỉnh phân công quản lý như sau:

1. Chủ trì, phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn chi tiết về việc thu gom, lưu giữ, xử lý chất thải rắn phát sinh trong các hoạt động nông nghiệp.

2. Hướng dẫn việc quản lý bùn nạo vét từ kênh, mương và các công trình Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

Điều 50. Sở Y tế

Chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân tỉnh về quản lý nhà nước đối với CTRSH, CTCNTT, CTRXD và BT phát sinh trong lĩnh vực y tế trên địa bàn tỉnh, ngoại trừ các khu công nghiệp, khu kinh tế; được Ủy ban nhân dân tỉnh phân công quản lý như sau:

1. Chủ trì, phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết, hướng dẫn việc phân loại, lưu giữ, quản lý chất thải y tế trong phạm vi khuôn viên các cơ sở y tế và hướng dẫn vệ sinh trong hoạt động mai táng và hỏa táng.

2. Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh quy định hướng dẫn bảo đảm yêu cầu về an toàn, vệ sinh phòng dịch, không gây ô nhiễm môi trường của chất thải rắn theo quy định của Bộ Y tế.

Điều 51. Sở Giao thông Vận tải

Chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân tỉnh về quản lý nhà nước đối với CTRSH, CTCNTT, CTRXD, BT phát sinh từ hoạt động giao thông vận tải trên địa bàn tỉnh, ngoại trừ các khu công nghiệp, khu kinh tế và được Ủy ban nhân dân tỉnh phân công: Chủ trì, phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn chi tiết yêu cầu kỹ thuật và quy trình quản lý đối với CTRSH, CTCNTT, CTRXD, BT phát sinh từ hoạt động giao thông vận tải đường bộ, đường thủy nội địa trên địa bàn tỉnh và bảo đảm phù hợp với các Điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.

Điều 52. Sở Tài chính

Chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân tỉnh về quản lý nhà nước đối với giá dịch vụ xử lý CTRSH, CTCNTT, CTRXD và BT trên địa bàn tỉnh; được Ủy ban nhân dân tỉnh phân công quản lý như sau:

1. Chủ trì phối hợp với các sở, ngành liên quan tổ chức thẩm định giá dịch vụ xử lý CTRSH, CTCNTT, CTRXD và BT trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt đối với cơ sở xử lý được đầu tư từ các nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước, chủ đầu tư lập và trình phương án giá.

2. Xây dựng mức thu giá dịch vụ vệ sinh cho các đối tượng hộ gia đình, cá nhân, cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, tổ chức, để Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định.

3. Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh giao dự toán kinh phí thường xuyên cho công tác kiện toàn hệ thống bộ máy quản lý; hỗ trợ một phần kinh phí mua sắm trang thiết bị đảm bảo công tác thu gom, vận chuyển chất thải rắn của các cơ quan, đơn vị quản lý theo phân cấp hiện hành. Bố trí kinh phí sự nghiệp môi trường hàng năm của địa phương hỗ trợ cho việc xử lý CTRSH, cải tạo các bãi chôn lấp đã đóng cửa, xử lý các bãi chôn lấp chất thải tự phát; xây dựng và triển khai các mô hình xử lý CTRSH phù hợp với đặc thù của tỉnh.

4. Chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành và cấp huyện, cấp xã rà soát, cân đối ngân sách, trình cấp có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện các cơ chế, chính sách về tài chính đối với dịch vụ thu gom và xử lý CTRSH nhằm khuyến khích các hoạt động nghiên cứu, đưa vào áp dụng công nghệ mới nhằm giảm thiểu, tái sử dụng, tái chế và xử lý CTRSH, chế tạo thiết bị vận tải chuyên dùng cho CTRSH khu vực nông thôn.

Điều 53. Sở Kế hoạch và Đầu tư

Chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân tỉnh về quản lý, giám sát đầu tư trong lĩnh vực thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn, CTRSH, CTCNTT, CTRXD và BT trên địa bàn tỉnh và được Ủy ban nhân dân tỉnh phân công quản lý như sau:

1. Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành các cơ chế chính sách ưu đãi, hỗ trợ để khuyến khích việc thu gom, vận chuyển và đầu tư cơ sở xử lý chất thải rắn phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh từng thời kỳ.

2. Chủ trì, phối hợp với các đơn vị, địa phương có liên quan tổ chức kêu gọi nhà đầu tư thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn.

3. Chủ trì, phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Xây dựng, Sở Tài chính và các địa phương bố trí nguồn vốn đầu tư cho công tác quản lý chất thải rắn của các cấp huyện, cấp xã theo đúng chương trình, kế hoạch và quy hoạch quản lý chất thải rắn đã được các cấp có thẩm quyền phê duyệt.

4. Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh cân đối, bố trí nguồn vốn để thực hiện công tác quy hoạch, xây dựng các chương trình, dự án về quản lý, xử lý chất thải rắn và việc xử lý triệt để các bãi chôn lấp chất thải rắn sinh hoạt gây ô nhiễm nghiêm trọng trên địa bàn tỉnh theo **Quyết định của Thủ tướng Chính phủ**.

Điều 54. Ban Quản lý các khu công nghiệp

Chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân tỉnh về quản lý nhà nước trong quy hoạch, đầu tư xây dựng cơ sở xử lý CTR, quản lý nhà nước trực tiếp đối với CTRSH,

CTRCNTT, CTRXD và BT trong các khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh (viết tắt là KCN) và được Ủy ban nhân dân tỉnh phân công quản lý như sau:

1. Thực hiện chức năng quản lý nhà nước trực tiếp đối với CTRSH, CTRCNTT, CTRXD và BT trên địa bàn các KCN thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh.

2. Quản lý nhà nước trong quy hoạch, đầu tư xây dựng cơ sở xử lý chất thải rắn, quản lý nhà nước trực tiếp đối với chất thải rắn từ hoạt động xây dựng, BT từ bể tự hoại, BT từ hệ thống thoát nước của các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ trên địa bàn các KCN.

3. Chủ trì, phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Xây dựng trong thực hiện công tác quản lý chất thải rắn bao gồm các hoạt động: triển khai công tác phân loại rác tại nguồn trong khu công nghiệp; truyền thông, tuyên truyền về quản lý chất thải; xây dựng và cập nhật cơ sở dữ liệu về chất thải rắn và kiểm tra các hoạt động liên quan đến quản lý chất thải rắn của các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ trên địa bàn các KCN.

4. Chủ trì, phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường, Phòng Cảnh sát Môi trường - Công an tỉnh kiểm tra, thanh tra và xử lý vi phạm về chất thải đối với các hoạt động của chủ đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng khu công nghiệp và các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ trên địa bàn các KCN.

5. Tổ chức tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật về quản lý CTRSH, CTRCNTT, CTRXD và BT.

6. Định kỳ hàng năm báo cáo Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Xây dựng về tình hình quản lý CTRSH, CTRCNTT, CTRXD và BT trong các KCN trên địa bàn tỉnh.

Điều 55. Cục Hải quan

Theo thẩm quyền thực hiện chức năng kiểm tra, đóng dấu xác nhận thông quan đối với CTRSH, CTRCNTT, CTRXD ở các khu vực cửa khẩu trên địa bàn theo quy định.

Điều 56. Công an tỉnh

Theo thẩm quyền thực hiện chức năng kiểm tra, xử lý các hành vi vi phạm pháp luật về môi trường, xử lý chất thải rắn trên địa bàn tỉnh theo quy định.

Điều 57. Ủy ban nhân dân cấp huyện

Thực hiện chức năng quản lý nhà nước trực tiếp đối với CTRSH, CTRXD và BT trên địa bàn huyện, thành phố (Ngoại trừ các khu công nghiệp, khu kinh tế; ngoại trừ chức năng, nhiệm vụ thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh và các sở, ban, ngành); chủ trì tổ chức hướng dẫn phân loại chất thải rắn tại nguồn ở khu vực nông thôn; tổ chức tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật về quản lý CTRSH, CTRCNTT, CTRXD và BT, cụ thể như sau:

1. Về quản lý CTRSH

a) Tổ chức lập kế hoạch hàng năm cho công tác thu gom, vận chuyển, xử lý CTRSH và bố trí kinh phí thực hiện phù hợp với chương trình, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương;

b) Định kỳ hàng năm báo cáo Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Xây dựng về tình hình quản lý CTRSH trên địa bàn, thời điểm báo cáo trước ngày 15 tháng 3 của năm tiếp theo;

c) Tổ chức tuyên truyền, giáo dục pháp luật về quản lý CTRSH; chỉ đạo công tác thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm pháp luật về quản lý chất thải rắn trên địa bàn;

d) Giám sát thành phần và khối lượng CTRSH phát sinh trên địa bàn; kiểm tra, giám sát vệ sinh trong các hoạt động thu gom, vận chuyển trên địa bàn các huyện, thành phố đối với CTRSH;

đ) Thực hiện trách nhiệm theo quy định tại điểm 2, khoản 11, Điều 3 Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định, quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường.

2. Về quản lý CTRXD và BT

a) Hướng dẫn địa điểm đổ thải CTRXD, xử lý bùn nạo vét;

b) Thực hiện trách nhiệm theo quy định tại Khoản 2, Điều 15, Thông tư số 08/2017/TT-BXD ngày 16 tháng 5 năm 2017 của Bộ Xây dựng quy định về quản lý CTRXD.

Điều 58. Ủy ban nhân dân cấp xã

Thực hiện chức năng quản lý nhà nước trực tiếp đối với CTRSH, CTRXD và BT trên địa bàn thuộc xã, phường, thị trấn Ngoại trừ các khu công nghiệp, khu kinh tế; ngoại trừ chức năng, nhiệm vụ thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh và các sở, ban, ngành; Tổ chức tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật về quản lý CTRSH, CTRCNTT, CTRXD và BT, cụ thể như sau:

1. Thực hiện quản lý CTRXD theo quy định tại điểm a và b, khoản 2, Điều 15, Thông tư số 08/2017/TT-BXD ngày 16 tháng 5 năm 2017 của Bộ Xây dựng quy định về quản lý CTRXD.

2. Tiếp nhận thông báo kế hoạch quản lý CTRXD từ chủ đầu tư các công trình xây dựng theo mẫu tại Phụ lục 1 Thông tư số 08/2017/TT-BXD ngày 16 tháng 5 năm 2017 của Bộ Xây dựng quy định về quản lý CTRXD.

3. Tổ chức tuyên truyền, vận động người dân thu gom và bỏ rác đúng nơi quy định.

4. Triển khai kế hoạch phân loại rác tại nguồn; tổ chức và quản lý các đội rác dân lập hoạt động thu gom CTRSH trên địa bàn.

5. Triển khai kế hoạch thu gom vận chuyển và xử lý chất thải rắn trên địa bàn quản lý. Phối hợp với các tổ chức đoàn thể, cộng đồng dân cư giám sát quá trình thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn trên địa bàn.

6. Tổ chức kiểm tra, báo cáo với cơ quan có thẩm quyền xử lý các trường hợp thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải không đúng quy định.

7. Thực hiện trách nhiệm theo quy định tại khoản 11, Điều 3 Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định, quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường.

Chương X

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 59. Giám đốc các sở, Thủ trưởng các ban, ngành cấp tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã, các đơn vị có liên quan căn cứ vào các nhiệm vụ được phân công trong Quy chế này, chủ động tổ chức phối hợp và triển khai thực hiện các nhiệm vụ thuộc lĩnh vực phụ trách, đảm bảo chất lượng và có hiệu quả.

Điều 60. Sở Tài nguyên và Môi trường là cơ quan đầu mối, theo dõi tình hình triển khai thực hiện Quy chế này; trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, phát sinh, các cơ quan, tổ chức, cá nhân kịp thời phản ánh về Sở Tài nguyên và Môi trường để tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.